

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 26 A

CHƯƠNG VI: CẢM THÔNG

TRONG PHẦN 1 CHƯƠNG VI

(chánh truyện có ba mươi ba vị, phụ có ba vị).

1/ Truyện Sa-môn Lạc-na-mạn-đề người xứ Thiên-trúc, trụ chùa Vĩnh Ninh ở Lạc Kinh, thời Nguyên Ngụy.

2/ Truyện Sa-môn Thích Siêu Đạt ở Vinh Dương, thời Nguyên Ngụy.

3/ Truyện Sa-môn Thích Tuệ Đạt ở Văn Thành, thời Nguyên Ngụy.

4/ Truyện ngài Thích Đạo Thái trụ tinh xá Hành Đường ở Thường Sơn, thời Nguyên Ngụy.

5/ Truyện ngài Thích Tăng Dung trụ chùa Đông Lâm ở Cửu Giang, thời Nam Lương.

6/ Truyện ngài Thích Pháp Lực trụ ở quận Mạt Lỗ, thời Nguyên Ngụy.

7/ Truyện ngài Thích Thực Tướng trụ chùa Thanh Thành ở đất Thục, thời Nam Lương.

8/ Truyện ngài Thích Tăng Lâm ở Đồng Châu, thuộc đất Thục, thời Nam Lương.

9/ Truyện ngài Thích Tuệ Giản ở Kinh Châu, thời Nam Lương.

10/ Truyện ngài Thích Tăng Lãng ở Lương Châu, thời Nguyên Ngụy.

11/ Truyện ngài Thích Tăng Ý trụ chùa Lãng Công Cốc ở Thái Sơn, thời Nguyên Ngụy.

12/ Truyện ngài Thích Tăng Chiếu trụ chùa Đan Lãnh ở Thái Sơn, thời Nguyên Ngụy.

13/ Truyện ngài Thích Đạo Phong trụ chùa Cổ Sơn ở Tương Châu,

thời Bắc Tề.

14/ Truyện ngài Thích Viên Thông trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Nghiệp Hạ, thời Bắc Tề.

15/ Truyện ngài Thích Tuệ Bảo ở Thái Nguyên, thời Bắc Tề.

16/ Truyện ngài Thích Tăng Vân trụ chùa Bảo Minh ở Nghiệp Hạ, thời Bắc Tề.

17/ Truyện ngài Thích Tăng Viễn trụ chùa Tiết ở Lương Châu, thời Bắc Tề.

18/ Truyện ngài Thích Tuệ Chấn trụ chùa Nguyên Khai Phủ ở Thượng Đẳng, thời Bắc Chu.

19/ Truyện ngài Thích Hồng Hiến trụ chùa Đại Từ ở Tương Châu đời Tùy.

20/ Truyện ngài Thích Tuệ Vân ở Đông Xuyên, đời Tùy (Phó Đại Sĩ).

21/ Truyện ngài Thích Pháp Lăng ở Ngạc Châu, đời Tùy.

22/ Truyện ngài Thích Đạo Tiên trụ chùa Trúc Lâm ở núi Quán Khẩu thuộc Thục Châu, đời Tùy.

23/ Truyện ngài Thích Tuệ Phong trụ chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn, đời Trần.

24/ Truyện ngài Thích Tuệ Nham trụ chùa Trùng Huyền ở Tô Châu, đời Tùy.

25/ Truyện ngài Thích Pháp An trụ tại Đạo tràng Bảo Dương ở Đông Đô, đời Tùy (Pháp Tế).

26/ Truyện ngài Thích Tuệ Khản trụ chùa Đại Quy Thiện ở Tương Châu, đời Tùy.

27/ Truyện ngài Thích Chuyển Minh trụ chùa Hóa Độ ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

28/ Truyện ngài Thích Giả Dật ở An Châu, thời Tiền Đường.

29/ Truyện ngài Thích Pháp Thuận trụ chùa Nghĩa Thiện ở Ung Châu, thời Tiền Đường (Trí Nghiễm).

30/ Truyện ngài Thích Đạo Anh trụ chùa Phổ Tế ở Bồ Châu, thời Tiền Đường.

31/ Truyện ngài Thích Hựu Đức trụ ở Lương Sơn thuộc Ung Châu thời Tiền Đường.

32/ Truyện ngài Thích Trí Tắc trụ chùa Biện Tài ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

33/ Truyện ngài Thích Thông Đạt trụ chùa Luật Tạng ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

1. Truyện Sa-môn Lạc-na-mạn-đề:

Sa-môn Lạc-na-mạn-đề, người ở xứ Thiên Trúc. Trong thời Nguyên Ngụy, Sư đến trụ chùa Vĩnh Ninh ở Lạc Kinh. Sư rất giỏi về Ngũ Minh, thông hiểu Đạo Thuật.

Bấy giờ, Thứ sử Tín Châu Kỳ Mẫu Hoài Văn, là người khéo tư duy, hiểu biết nhiều. Thiên tánh có nhận biết rộng rãi, mỗi lúc nước nhà tạo dựng cung thất, khí giới không chỗ nào chẳng liên quan, ích lợi cho cả công tư, Sư rất ưu việt suốt cả một thời. Vua lại ban sắc bảo sửa sang chùa Vĩnh Ninh, thấy Sư có Đạo thuật, thường dâng cúng lễ vật, mong được sự thấy nghe, nhưng Sư vẫn bình thường như lúc đầu không có thừa tiếp. Hoài Văn trong lòng rất tức giận. Bấy giờ, tại Huyền Võ Quán ở Lạc Nam, có một người khách nhuyển nhuyển (giống mọi rợ) đã từng tương giao với Sư tại Tây vực từ trước, cưỡi ngựa, mặc áo da, khi đi đến chùa, hai người tương đắc nói cười chỉ chỗ vỗ tay, suốt ngày không mỏi mệt. Hoài Văn đứng bên cạnh trông thấy mọi rợ nói, không hiểu để đáp, bèn nói với Sư rằng: “Đệ tử khéo kính thờ người, mọi việc từ trước đến nay cung thừa chỉ mong Sư cho biết ý, mà Sư không hề nói một lời. Còn đây là kẻ Bắc Địch (chỉ vị khách ấy) tâm thú mặt người, giết hại sinh mạng, uống máu ăn thịt, đầu đáng mền chuộng, chẳng mong gặp mặt, bèn thành Đầy Kia!”. Sư bảo: “Người chớ khinh thường người khác, dù có đọc muôn quyển sách, thì tự dùng chưa hẳn là hơn”. Hoài Văn nói: “Tôi đây có sự nhận biết có thể cùng đánh cá ngựa”. Sư hỏi: “Ông có tài thuật gì?” Hoài Văn đáp: “Có khả năng về toán thuật. Bất kể là nhìn núi ngắm sông, suy lường cao sâu, vây đồ đập hố, chẳng sai lầm thặng hợp”. Sư cười bảo rằng: “Đó là trò chơi của trẻ con”. ngay trước sân có một cây táo rất lớn, trái rất sum suê, lúc đó là đầu tháng bảy, đều đã già chín. Sư ngửa mặt nhìn cây táo mà bảo rằng: “Ông biết trên cây có được bao nhiêu trái táo chẳng?” Hoài Văn lấy làm lạ cười mà bảo rằng: “Chỗ biết của toán thuật hẳn y theo tiêu chuẩn ngang dọc, thì thiên văn địa lý cũng có thể suy lường. Cỏ cây lấm hao hạt có hình dáng gì, xét đó thật là lời nói buông tuồng”. Sư chỉ vị khách nhuyển nhuyển mà bảo rằng: “Đây là người đã nhận biết”. Hoài Văn nổi khí tức giận không tin, liền lập khế ước cá ngựa. Chư tăng, những vị lão túc trong chùa đều đến xem, đứng bên cạnh để làm chứng. Sư lại bảo Nhuyển nhuyển, Nhuyển nhuyển cười mà vâng lời. Hoài Văn lại đòi yêu sách rằng: “Phải biết bao nhiêu trái đã có hạt, bao nhiêu trái bị hư không có hạt”. Đoán bao nhiêu trái đã xong, nhuyển nhuyển lấy từ đấy da nơi lưng ra một vật tựa như quả cân ngày nay vậy, xỏ suốt bằng chỉ năm màu, chỉ riêng xỏ hạt

châu mầu trắng, dùng đó để tính về cây, hoặc trên hoặc dưới, hoặc các góc cạnh, kéo chỉ nhắm mắt, xoay chuyển giây lâu, rồi hướng về Sư hồi lâu. Vừa rồi Sư lắc đầu mà cười, mà thuật lại số lượng. Sư liền sai người trút trái xuống hết, mỗi trái đều xem xét, nghi rằng Hoài Văn sẽ vạch ra xem so lường lại số trái có được thành chãng, cuối cùng không bị thiếu thừa, nhân đó, nhuyễn nhuyễn thẳng đợc ngựa mà trở về.

Sư mỗi lúc nhìn thấy mọi người từ xa đến Tung Cao Thiếu Thất để hái củi, Sư tự bảo rằng: “Trăm họ như đất, mang vác khổ cực. Ta muốn tạm kéo lấy hai ngọn núi gối đầu xuống sông Lạc, đờ người chặt đủ củi rồi trả lại bỏ đi, việc ấy chẳng lấy làm khó, đó chỉ là số thuật vậy. Chỉ vì người không biết, nói xằng cho ta là Thánh, vì thế mà không dám”.

Đến lúc sắp tịch, Sư bảo đệ tử rằng: “Ta còn nghỉ lại chừng, năm, ba ngày nữa, sẽ đi đến xứ khác. Các Ông phải luôn nhớ nghĩ tu hành Chánh Đạo, chớ có tâm quyến luyến!”. Sư bèn hiện tướng bệnh, đóng cửa thất mà nằm. Đệ tử lén nhìn qua lỗ hổng cánh cửa, thấy Sư thân chẳng dính nơi giường, mà chỉ nằm giữa giữa khoảng hư không, bèn mách bảo nhau cùng đến xem, có một vị tăng bỗng nhiên cất tiếng ho. Sư đặt thân mình xuống lại giường như cũ, từ xa nói rằng: “Người ngoài cửa là ai, sao chẳng đi vào? Vì giường nóng nên ta tìm lấy chút mát dịu. Người chớ lấy làm lạ!” Sau đó vài ngày, Sư bèn thị tịch.

2- Truyện Sa-môn Thích Siêu Đạt ở Vinh Dương:

Thích Siêu Đạt, không rõ Sư họ gì. Trong thời Nguyên Ngụy, Sư hành nghiệp làm tăng. Sư là người học vấn nhiều, có sự hiểu biết rộng. Vua thời ấy cấm triệt Đồ sấm rất dữ, đang lúc truy tìm, có người nói xằng bảo Sư thật có, nên bị bắt giam giao vào ngục Vinh Dương. Bấy giờ, Ngụy Bác Lãng Công khám xét, Sư bèn trình bày sự thật, Bác Lãng Công rất tức giận, buộc bánh xe vào cổ Sư canh giữ nghiêm mật. Sư tự biết không còn con đường sống, nên liền chuyên tâm xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm, đến canh tư trong đêm, bỗng nhiên không còn trông thấy bánh xe, chỉ thấy những kẻ canh giữ đều ngủ say. Nhân đó, Sư chạy ra ngoài, muốn trốn đi xa. Vì từ lâu bị trói buộc trong ngục, hai chân suy yếu không thể đi xa. Đến lúc trời sáng, bọn tù binh cưỡi xe bốn ngựa ra truy tìm. Sư suy nghĩ trốn lánh chắc không thoát khỏi. Nhân đó nép mình trong cỏ, bọn tù binh cưỡi ngựa đến đạp lên cỏ mà không hay biết gì, tuy đi ngang qua gần bên cạnh đối diện mà không thấy. Sư ngưng mắt nhìn bọn tù binh thì đều bị dùng da trâu che mắt. Sư nhất tâm chờ chết, chí thành xưng niệm, nửa đêm bọn tù binh đi Sư khỏi rồi, sau đó,

Sư liền được thoát khỏi.

Lại có Đạo nhân Tăng Minh là tự chủ chùa Thạch Quật ở Bắc Đài. Họ Ngụy làm Vua trong Thiên hạ, thường nghi ngờ các vị Sa-môn làm giặc, bắt cả mấy trăm vị tăng, trói buộc từ đầu đến chân, đã định kỳ hạn đem ra chém đầu, Sư rất kinh sợ, nhất tâm xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm. Đến nửa đêm, bất giác thấy sợi dây trói buộc nhỏ dần, riêng trong lòng vui mừng, mong cầu càng tha thiết, đến gần sáng tự nhiên dây đứt, được thoát khỏi Sư liền trốn chạy xa. Đến sáng hôm sau, người giữ ngục đến tìm không thấy Sư, chỉ có sợi dây đứt đang nằm dưới đất, biết đó là do sức thần gia hộ, liền đem sự việc ấy tấu trình. Vua mới tin Đạo nhân không có làm phản, bèn cùng lúc phóng thả tất cả.

3- Truyện Sa-môn Thích Tuệ Đạt ở Văn Thành:

Thích Tuệ Đạt, họ Lưu, tên là Tốt Hoà, vốn người xứ Đông Bắc thuộc Hàm Dương, tức Kê Hồ thuộc Định Dương ở Tam Thành. Tổ tiên Sư chẳng kính tin Phật Pháp, mắt chẳng nhận biết chữ, là người hung dữ, khỏe mạnh, thích săn bắn. Làm Lương thành Đột Kỵ đến trấn thủ ở Tương Dương. Cha mẹ, anh em có tất cả ba người đều hiện còn, gia đình giàu có, hào hoa xa xỉ trong xóm làng, tung hoành không theo lý. Sau nhân tiệc rượu, bị bệnh, chết giấc thần thức trông thấy các thứ khổ nơi địa ngục, nói rộng trong Biệt truyện, có đủ các Thánh Tích.

Về sau, Sư xuất gia tại quận Văn Thành. Nay là bình nguyên Cao Bình ở phía Đông Nam Từ Châu, tức là nơi Sư đã sinh ra. Thấy có miếu tượng, Nhung Hạ lễ kính đặt để ở trong chùa, trị hạ an dân. Sư từng đến xứ Ngô Việt. Đây đủ như ở truyện trước. Đến niên hiệu Đại Diên thứ nhất (435) dưới thời Vua Thái Võ Đế (Thác Bạt Đào) nhà Nguyên Ngụy, lưu hóa sắp xong, tiện việc Sư về lại phương Tây. Vừa đến hang vọng ngự ở phía Đông bắc quận Phiên Hòa thuộc Lương Châu, từ xa kính lễ. Mọi người không ai hiểu, bèn hỏi lý do. Sư bảo: “Ở sườn núi này sẽ có Tôn tượng xuất hiện, nếu như linh tượng tròn đầy thì đời an vui, thường hưng thịnh, nếu như tôn tượng bị thiếu khuyết thì trong đời loạn lạc, dân chúng cực khổ”. Sư đi đến huyện Tửu Tuyền thuộc Túc Châu, cách phía tây Thành chừng bảy dặm thì thị tịch trong khe đá, xương cốt Sư đều nát như qùy tử lớn có thể xuyên qua. Nay trong ngôi chùa cổ ở phía Tây Thành đắp hóa tôn tượng Sư ở phía trên. Tại chùa đó có văn bia ghi rằng: “Tôi chẳng phải là Đại Thánh, chỉ du hóa lấy làm việc chánh” văn chẳng đầy đủ.

Sau đó tám mươi bảy năm, tức đến đầu niên hiệu Chánh Quang

(520) thời Nguyên Ngụy, bỗng nhiên trời nổi cơn mưa gió lớn, sấm sét đánh làm nứt ngọn núi, xuất hiện một pho tượng bằng đá, cả thân cao tượng tám, hình tượng trang nghiêm, chỉ không có phần đầu, mọi người bèn chọn đá, bảo thợ chạm trở thành một cái đầu riêng để gắn lên, xong rồi phần đầu ấy lại rơi xuống, nhân đó bèn để mặc như thế, đến lúc ngụy đạo lần lượt, lời nói trước kia của Sư thật ứng nghiệm. Đến những năm đầu thời nhà Chu, ở phía Đông thành thuộc Lương Châu, cách chừng bảy dặm, trong khe suối tự nhiên có ánh sáng hiện, soi chiếu thấu u hiển, người trông thấy lấy làm lạ bèn đến xem kỹ, thì thấy đó là phần đầu của pho tượng, bèn đón rước về tôn trí trong hang núi, uyển nhiên phù hợp, nghi dung điều quyết. Hơn bốn mươi năm Thân Đầu nằm hai chỗ khác nhau cách xa hơn hai trăm dặm. Tượng tốt của pho tượng hoàn bị, thái bình có được ngay thời bấy giờ. Đến niên hiệu Bảo Định thứ nhất (561) thời Bắc Chu, đặt tên chùa là “Thụy Tượng”, mới có ánh sáng soi chiếu, tiếng chuông vang vọng nối nhau không dứt đoạn. Chẳng lường biết được nguyên do. Đến đầu niên hiệu Kiến Đức (572) thời Bắc Chu, phần đầu tôn tượng bị rơi nhiều lần, Đại Trùng Tế và Tề Vương đích thân đến đó xem, bèn bảo người tôn trí lên lại, đem đến cũng vẫn rơi như cũ, trải qua đến mấy mươi lần như thế, lại dùng vật khác làm phần đầu để thay thế, cuối cùng cũng vẫn rơi xuống đất. Sau đó, nhà Bắc Chu phá diệt Phật pháp, chỉ được bốn năm mà các nước lân cận đều bị diệt mất. các hàng thức giả xét xem mới biết trước có soi xét, tuy gặp mọi sự phá hoại mà đặc biệt tôn tượng vẫn hiện còn. Đến đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, kinh tượng lại được mở mang, trang sức tôn nghi, càng mở cao chùa Viện. Niên hiệu Đại Nghiệp thứ năm (610) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng) đích thân đến đó kính lễ, cúng thí rất nồng hậu, lại tặng thêm sự rục rỡ. Nhân đó, vua đổi biển ngạch cũ, đề lại là chùa “Cảm Thông”. Nên nay mô tả về truyền hình thì lượng thật chẳng lường biết, chỉ cao khoảng tượng tám, nhưng khi đến đo đạc thì hoàn toàn khác, khiến cho đức tin phát khởi ngày càng thêm mới.

Khoảng đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường. Tôi (Đạo Tuyên) vân du ngoài quan ải, nên đến bái kiến Bản miếu thờ Sư, thấy đồ tượng trang nghiêm, hằng ngày thêm lớn mạnh sự kính ngưỡng. Từ Thạch Thấp Từ Đan cho đến các Châu như Oai Lam v.v... đều đồ tả hình tượng ấy, đem về tôn trí cúng dường, tôn xưng hiệu là “Lưu Sư Phật”. Nhân đó răn bảo thay đổi Hồ tánh, mọi người vâng hành giới luật rất đông, thấy có văn bia nơi tôn tượng do Diêu Đạo An chế tác.

4- Truyện ngài Thích Đạo Thái ở Tinh xá Hành Đường:

Thích Đạo Thái, là người sống vào cuối thời Nguyên Ngụy, trụ tại tinh xá Hành Đường ở Thường Sơn. Sư mộng thấy có người bảo với Sư rằng: “Đến năm (...) đó, ông sẽ mạng chung vào lúc bốn mươi hai tuổi!”. Trong tâm Sư rất nhàm chán. Đến năm đúng kỳ hạn, Sư bị bệnh rất nặng, vô cùng lo buồn, đều đem tất cả mọi vật vốn có của thân ra để làm phước. Có người bạn bảo Sư rằng: “Tôi nghe trong kinh nói cúng dường sáu mươi hai ức vị Bồ-tát ngang bằng với một xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, sao bạn chẳng dốc lòng quy y, sẽ được tăng thêm phước thọ.” Sư bèn cảm ngộ, bèn suốt trong bốn ngày bốn đêm chuyên tinh xưng niệm không dứt. Phía dưới tấm màn chỗ Sư ngồi bỗng nhiên thấy có ánh sáng từ phía ngoài cửa chiếu vào, thấy khoảng giữa mắt cá và mu bàn chân của Bồ-tát Quán Thế Âm có ánh sáng màu vàng ròng soi chiếu, bảo với Sư rằng: “Ông xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm ư?” khiến Sư vén màn lên xem, thì không còn thấy, Sư vừa vui vừa buồn đến nỗi đổ mồ hôi, liền cảm thấy nhẹ nhàng, cơn bệnh liền lành hẳn. Đến năm bốn mươi bốn tuổi, Sư bèn nói việc ấy với người đồng ý hưởng. Sau, Sư thị tịch lúc năm mươi tuổi.

Lại có một vị Sa-môn khác, nhân duyên cũng giống như Sư, nên ở đây chẳng ghi.

5- Truyện ngài Thích Tăng Dung trụ chùa Đông Lâm:

Thích Tăng Dung, là người sống vào đầu thời Nam Lương, Sư trụ chùa Đông Lâm tại Cửu Giang. Dốc chí trầm lắng sâu rộng, lấy sự du hóa làm việc chính. Sư từng khuyên hóa một gia đình nợ ở tại Giang Lăng thọ trì quy giới, kính thờ Phật pháp làm chánh nghiệp. Nhà đó trước kia vốn có miếu thờ thần, nhưng chẳng còn thờ nữa, mọi vật đều đem cấp thí, Sư bèn lấy đem về chùa để làm việc phước. Sau đó bảy ngày, mẹ của chủ nhà thấy một con quỉ cầm sợi dây màu đỏ muốn trói Bà, Bà rất kinh sợ bèn bảo thỉnh chư tăng tụng kinh hành Đạo. quỉ lấy làm lạ bèn thôi. Sau đó, Sư trở về Lô Sơn, riêng trong đêm nghỉ lại quán trọ, khi đó trời mưa tuyết, trong đêm mới vừa ngủ, Sư thấy một đoàn binh lính loài quỉ số lượng rất đông, trong đó có loài quỉ tướng thân mặc áo giáp tay cắp mũi nhọn, hình tướng cao lớn, có mang theo chiếc giường người Hồ, bèn đến trước mặt Sư ngồi xoạc xuống, danh sắc mặt, cất tiếng bảo rằng: “Vì sao ông cho là Quỷ thần không linh?” và liền kéo Sư xuống đất, các lính quỉ sắp ra tay làm hại, Sư nín lặng xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, lời tiếng chưa dứt thì thấy ở phía

sau chiếc giường có một vị thiên tướng thân hình cao hơn một trượng, thân mặc khố da màu vàng, tay cầm chày Kim Cương đứng đợi. Đoàn Quỷ bèn kinh hãi chạy tan, các thứ áo giáp mũ trụ vỡ nát như bụi.

Ở tại Giang Lăng Sư từ khuyên hóa hai vợ chồng nhà nợ đều thọ trì năm giới, sau hai người ấy bị bọn giặc cướp bắt dẫn đi, người chồng bèn chạy thoát, còn người vợ bị trói giam vào ngục. Đang trên đường đi người chồng gặp Sư ở vệ đường, cầu xin cứu giúp. Sư bảo chỉ nên dốc lòng xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, không còn tin theo Đạo nào khác”. Người vợ ấy sau khi đã bị nhốt vào ngục, bèn xưng niệm không dứt. Nhân đó mộng thấy một vị Sa-môn đứng trước mặt, giậm chân bảo đi, bỗng cảm thấy thân mình xuyên suốt ba cây gỗ, tự nhiên được mở thoát, nhưng thấy cửa còn đóng, lính canh cửa có nhiều lớp đang trông giữ, nghĩ không cách gì thoát khỏi, bèn ngủ trở lại, bỗng mộng thấy vị tăng trước đó đến bảo rằng: “Sao chẳng sớm thoát ra, cửa sẽ tự mở”. Đã nghe thế rồi liền tỉnh dậy, các lớp cửa đều mở suốt, liền vượt khỏi chỗ mà chạy ra, đi theo hướng Đông nam được vài dặm, gặp được người dân trong xóm, bấy giờ trời đang còn mờ tối. Người chồng trước kia chạy trốn, ban đêm thì đi, ban ngày ẩn núp, hai người bỗng nhiên gặp nhau đều rất kinh hãi, giữa khoảng lao sậy xét hỏi, người vợ mới biết đó là chồng mình. Hai người bèn cùng nhau trốn theo khách buôn đi xa, cuối cùng được thoát nạn.

6- Truyện ngài Thích Pháp Lực ở quận Mạc Lỗ.

Thích Pháp Lực, không rõ Sư là người xứ nào. Sư là người tinh tấn, rất có chí đức, muốn ở tại quận Lỗ xây dựng tinh xá, mà tài vật không có đủ, bèn cùng Sa-di Minh Sâm đến Thượng Cốc, quyên góp suốt một năm, chuẩn bị về lại chùa, đang đi đến trong đêm trống, bỗng nhiên gặp phải lửa đồng, xe đi dưới gió, nên không cách gì thoát được, khi ấy Sư đang mỗi một thiệp ngủ, bỗng nhiên tỉnh giấc mà thế lửa đã kịp đến nơi, nhân đó Sư cất tiếng xưng niệm chữ “Quán”, chưa kịp đến hai chữ “Thế Âm”, thì ứng theo tiếng, gió liền chuyển hướng, lửa dữ liền tắt, Sư được an ổn trở về.

Lại có Sa-môn Pháp Trí, Sư vốn là Bạch y (cư sĩ) đi một mình giữa đêm lớn, lửa dữ bốn phía đồng một lúc cháy lên, Sư tự biết phải chết, mới úp mặt xuống đất xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm. Sư lấy làm lạ không bị lửa thiêu đốt, bèn ngẩng mặt lên nhìn thì cây cỏ nơi đêm không còn lại một mảy may, chỉ tại chỗ Sư núp in dấu thân hình Sư. Nhân cảm ngộ ấy mà Sư bèn xuất gia hành đạo, tinh tấn mạnh mẽ,

mọi việc luôn dẫn trước chúng.

Lại có Sa-môn Đạo Tập đến núi Tây Sơn ở Thọ Dương, bị bọn cướp bắt trói vào thân cây, sắp giết hại Sư. Sư chỉ xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm để chết mà thôi, giặc cướp đưa dao chặt đều không thương tổn, tự kinh sợ mà bỏ chạy. Sư nhờ đó được thoát khỏi, lưu truyền rộng việc ấy.

Lại có các Sa-môn Pháp Thiên, v.v... đang đi giữa núi, gặp bọn cướp, các ngài chỉ xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm. Bọn cướp kéo cung tên muốn bắn nhưng thả tên không được. Bọn cướp lại quy hướng kính thành, ném bỏ cung tên dưới đất, cũng không được, biết là thần nhân, bèn bỏ chạy trốn. Các Ngài nhân đó được thoát khỏi. Các ngài trong câu chuyện trên đây đều là người ở cuối thời Nguyên Ngụy, riêng có bộ “Quán Âm cảm ứng truyện”, văn sự bao gồm đầy đủ, nên ở đây không ghi đủ.

7- Truyện ngài Thích Thực Tướng ở chùa Thanh Thành:

Thích Thực Tướng, họ Hác, người ở xứ sông Phù thuộc Tử Đông, từng nhậm chức Quận lại ở Ba Tây. Thái thú Trịnh Trinh bảo Sư mang các lễ vật hiến cúng xuống Dương Đô. Sư thấy Vua Võ Đế (Tiêu Diên 502-550) thời Nam Lương cùng các Vương Công tôn kính Tam Bảo, bèn phát nguyện muốn xuất gia. Đến lúc về lại Thượng Thục, già biệt gia thuộc, và vợ con Sư đã cùng chí nguyện như Sư, nên đồng một lúc cạo tóc.

Sau khi đã xuất gia, vào niên hiệu Đại Đồng (538-546) thời Nam Lương, Sư chuyên tu khổ hạnh, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, thường ngồi giữ chánh tâm suy nghĩ niệm Phật lý, lấy mạng sống làm kỳ hạn. Bấy giờ ở quận Nam Võ, nay tức là huyện Hiếu Thủy, có Đạo nhân Pháp Ái là người có đạo thuật cao huyền, Sư bèn đến đó xem. Đang trong đêm, ngài Pháp Ái dùng năng lực của thần chú hiện ra một thần to lớn, thân mặc áo mao dung tướng kỳ vĩ, đến nâng giường dây cách đất bốn – năm thước, Sư bèn đọc tụng giới bổn. Thần liền bỏ đi. Giây lát thần lại đến đứng trước mặt ngài. Ngài vẫn giữ chánh ý tinh bạch như mới đầu không chút lay động. Sau đó, Thần lại bỏ đi. Ở nơi đầu góc phòng nhà, thần hiện ra khuôn mặt, đánh phá xé trần nhà, tiếng động rất lớn, Sư vẫn không khiếp sợ. Thần thấy Sư không lay động bèn đến lễ bái cầu xin sám hối. Đến sáng sớm, Sư bảo với ngài Pháp Ái rằng: “Điều quý trọng của ông, đó là tà thuật, chẳng phải là Chánh Pháp, ông nên xả bỏ.”

Sau, Sư đến Ích Châu nghe giảng pháp. Vì Sư sinh ở chốn Biên Bì, nói năng quê mùa, tuy bị khinh thường, mà không nhớ nghĩ, chỉ hướng về Đạo. Lại nhân trên đường đi, Sư vào nghỉ qua đêm tại Đạo quán. Có Đạo sĩ vốn biết tên tuổi Sư, sợ Sư giáo hoá đồ chúng quyến thuộc của mình nên chống thuận với Sư. Đêm đó, có đàn hổ đi nhiều quanh viện cùng nhau gầm rống. Các Đạo sĩ v.v... suốt đêm chẳng an. Đến sáng bèn đi tìm, và đều theo Sư xin thọ giới Bồ-tát.

Sư lại từng đến xứ Hoàng Nông, bên cạnh bờ sông, thấy có người buông cần câu cá. Sư khuyên bỏ việc đó, người ấy không nghe lời. Sư liền nhỏ nước miếng xuống dòng nước, bỗng nhiên có một con rắn lớn ngóc đầu lên xoay nhìn bốn phía rồi bơi thẳng đến người ấy. Người ấy nhân đó liền quy mạng theo Sư xin xuất gia.

Bấy giờ, gặp lúc thời vận nhà Lương dần suy, và tại đất sông Phù quân lính dấy động. Sư cùng Pháp sư Triện phân phi khác vực. Pháp sư Triện vào núi Tinh Lâm. Còn Sư vào núi Thanh Thành, nhóm kết đồ chúng. Vương Tiêu Huy đời Lương vốn kính trọng Sư, cung cấp cho dân lão để làm doanh lý. Sư chưa đến đó thì đã bị bệnh nặng, biết mạng không thể cứu, nên Sư bảo đệ tử rằng: “Tôi thường nguyện sinh về cõi Tịnh độ, mà không có hạnh nghiệp gì cao quý. Tuy chẳng đọa vào ba đường xấu ác, mà cũng không sinh lên cõi trời. Tôi sẽ sinh trở lại nơi đất sông Phù này để làm Sa-môn. Các ông phải cố gắng hành Đạo mới có thể gặp được tôi!”. Nói xong, Sư ngồi kiết già nghiêm nhiên thị tịch. Lúc đó Sư mới bốn mươi bốn tuổi. Ở bốn phía núi ấy toàn giống dân Lão, thấy Sư ngồi mà thị tịch thấy đều kéo nhau đến khen ngợi việc lạ, lễ bái cúng dường, sửa đổi tập tục mà làm việc lành. Các đệ tử Sư vâng theo Di mạng, bèn đón rước nhục thân Sư tôn trí lộ bày dưới gốc thông.

Xưa kia, mới đầu Sư đặt chân đến Miên châu, trụ chùa Bách Lâm ở phía Tây thành. Phòng viện xây dựng hoàn bị, ngay đầu căn phòng có trồng một cây ngô đồng rất tươi tốt. Bỗng nhiên đến ngày mười lăm tháng tư, vô cớ lá bị rụng hết. Thêm nữa, sáng hôm đó, vị Duy-ma đánh chuông, mới đầu chuông cũng không phát ra tiếng. Mọi người lớn nhỏ đều sinh nghi lấy làm lạ chẳng hiểu nguyên do thế nào. Thượng tọa Tăng Siêu bảo là sẽ có biến động lớn, bèn chống tích trượng mà trốn lánh, chốc lát sau, có tin đưa đến báo là Sư đã thị tịch. Cây khô, chuông câm là tượng trưng cho ngày Sư thị tịch. Chùa Bách Lâm ấy cách núi Thanh Thành hơn bốn trăm dặm mà thậm chí có cảm vận, hẳn chẳng phải là mưu của con người.

Ở đầu thời Nam Lương, lại có các Sa-môn Đạo Hương, Tăng Lãnh đều là những vị có năng lực thần dị, vết tích hơi giống nhau, cùng loại với Hoà-thượng Chí Công.

8- Truyện ngài Thích Tăng Lâm ở Đồng Châu:

Thích Tăng Lâm, là ngài người đất Ngô, rất có đức trong trắng, mọi hành vi thường cảm động đến vật tình.

Vào niên hiệu Đại Đồng (535-546) thời Nam Lương, Sư lên đất Thục, đến Đồng Châu. Ở phía Tây bắc thành cách một trăm bốn mươi dặm có núi Đậu Thù, trên núi có đền thờ thần, dân chúng tại vùng ấy rất kính trọng, thường đến cúng tế bái yết. Sư đến ở đó, thiền quán im lặng trải qua nhiều ngày, bỗng có một con rắn lớn đến quấn nằm trước giường, ngắn đầu như kính vái hộ trì vậy. Sư truyền pháp Tam quy cho nó, trăm lãnh thọ quy giới rồi bèn bỏ đi. Nhân đó mà được bình an, không hề có ương họa gì. Phía Bắc núi đó là thuộc phía nam sông Phù, từ trước đến nay vốn không có loài vượn sinh sống, từ khi Sư đến ở thì tự nhiên có hai con vượn đến nương tựa Sư mà ở. Có người mới đầu trông thấy cho là chúng lợi qua sông mà đến. Sau này, Sư ra cửa núi, vượn xoay ngược dòng nước mà bơi đi, như thế chẳng phải một lần. Vì trải qua năm tháng lâu dài nên vượn sinh sản đến mấy mươi con. Có lúc vượn đưa Sư đến cửa Long Môn, đứng đợi Sư trở về. Về sau, Sư đến ở trong chùa xưa nơi hang Xích Thủy, ở đó các phòng đều đổ nát chỉ còn có tông lâm, Sư liền ngồi ngoài chỗ trống, có một con hổ đến ngồi trước mặt Sư, đưa mắt nhìn. Sư bèn nói Pháp cho nó nghe, giây lâu hổ bèn bỏ đi. Từ đó về sau một mình Sư đi khắp nơi, mạnh dạn không lánh né các loài thú dữ. Sư thường thực hành nhân từ cứu giúp nên cảm hóa rất nhiều.

Về sau, Sư thị tịch tại Đồng Châu.

9- Truyện ngài Thích Tuệ Giản ở Kinh Châu:

Thích Tuệ Giản, không rõ Sư là người xứ nào. Sư hành đạo ở đầu thời Nam Lương. Giới nghiệp Sư rộng thoáng cao rộng, có điểm đặc biệt là mạnh dạn cấp giúp. Phía đông Sảnh sự ở Kinh Châu, trước kia có ba gian riêng lập trai hội, do đó thường có nhiều việc quý quái. Bấy giờ, Vương Kiến Võ đến sửa trị, như không một ai ở được, chỉ mình Sư là bậc thầy của các Vương quân chuyên nhậm ở đó. Sư tự ở một gian phòng, còn lại hai gian Sư tôn trí kính tượng. Bỗng nhiên thấy có một người mặc áo đen không có mắt từ trong vách tường đi ra, đứng tựa vào

cửa phòng của Sư. Khi đó, mắt Sư mở, tâm biết rõ nhưng miệng không nói được, trong ý vẫn xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, giây lâu, quỷ bảo rằng: “Vi nghe ông tinh tấn nên đến thử xem, nay thần sắc ông bất động, chẳng lẽ ta lại bức hại ông sao?” Quỷ trở vào trong vách tường, Sư từ từ đứng dậy tắm rửa súc miệng, lễ tụng xong trở lại ngủ yên như thường. trong giấc ngủ ngài mộng thấy người trước đó lại bảo rằng: “Kẻ hèn này ở đây từ cuối thời nhà Hán đã qua mấy trăm năm, vì tánh tình cứng rắn ngay thẳng nên có lắm sự chẳng kham. Ông là người tịnh hạnh tốt lành, tướng mạo đặc biệt”. từ đó bèn dứt bật. Sư ở tại đó nhiều năm vẫn an ổn như mới lúc đầu. Nếu Sư đến nơi khác, thì không có người nào có thể ở đó được.

10- Truyện ngài Thích Tăng Lãng ở Lương Châu:

Thích Tăng Lãng, là người xứ Lương Châu. Khi quân Lỗ nhà Ngụy đánh chiếm Lương Châu. Tại thành đó, dân chúng vốn thiếu, nên bức bách Đạo nhân sung vào quân đội, bày xếp riêng gần đó, đến lúc định án của xe đánh thành phá trận. Cả thành ấy đều bị vùi lấp, bắt lên thành có ba ngàn vị tăng, đến chỗ Quân tướng Ngụy chúa bảo rằng: “Đạo nhân đáng lẽ phải ngồi thiền hành đạo, mà lại làm giặc, rất đáng giết chết, sáng mai hãy chém đầu tất cả”. Đến kỳ hạn lúc giờ ăn, bỗng nhiên có hơi khí mâu đỏ dày đến mấy trượng xuyên suốt qua mặt trời mà chiếu thẳng đến. Thiên sư Khấu Khiêm Chi là người rất được vua tin trọng, tấu trình rằng: “Trên đời ban giáng điềm lạ, chánh vì Đạo nhân thật chẳng có bốn tâm muốn làm giặc, xin chẳng cần phải giết”. Em của Vua là Xích Thụ Vương cũng đồng can ngăn. Vua bèn ban sắc đình chỉ việc giết hại đó, xem như tù binh nên đánh bằng gậy rồi giải tán, bắt làm những việc nặng nhọc. Chỉ có vài vị tăng như Sư, v.v... riêng giao phó trưởng hạ. Đến lúc Quân lính nhà Ngụy trở về phương Đông, Sư cùng bạn đồng học đang đi đường thì cùng nhau làm phản, trận phòng nghiêm bày lại không chỗ chạy, hai phía đông tây chẳng có tường vách, không thể lường biết là sâu hay cạn. Phía trên có cây Đại thọ bên cạnh rễ nhánh sát sườn núi, Sư bèn dùng dây buộc cán trống cờ để buộc vào thòng xuống, khi ấy trời tối mịt, dưới đáy sườn núi toàn gai góc, không chỗ đặt chân. Sư muốn trở lên trên đầu bờ lại sợ quân lính phát hiện, đang lúc tính kế bàng hoàng nắm lấy dây treo đứng, thế chẳng thể giữ lâu, bèn nói với nhau rằng: “Nay nguy ách đã đến, chỉ nên xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm!” liền đưa đầu gõ vào đá, nhất tâm chuyên chú xưng niệm. Chỉ phút chốc có ánh sáng chiếu ra từ chỗ mặt

trời mọc soi khắp đất trời, mới thấy trong khoảng gai góc có chỗ xuống được, nhân đó theo ánh sáng xuống được tới đất, bỗng nhiên trở lại tối tăm, Sư biết đó là nhờ sức thần, cùng nhau vui mừng cảm ngộ, bèn thiếp ngủ yên, giây lâu mới sáng, nghe đoàn quân lính cảnh giác sắp khởi hành. Và núi hang nhiều lớp, chẳng biết đường ra, chỉ ngẩng nhìn mặt trời mà đi, gặp một con hổ lớn xuất hiện đứng trước mặt, mọi người bảo nhau: “Tuy thoát khỏi nạn tù binh, lại rơi vào miệng cọp”. Sư bảo: “Không như lời các người nói, Chánh vì chúng ta có cảm do đó mà hiện tủa ánh sáng. Nay gặp được hổ đây há chẳng là bậc Thánh chỉ đường ư?” Khi đó hai người đi về phía hổ, hổ liền bước đi trước, nếu Sư nhỏ đi chậm, hổ cũng tạm dừng lại, đến sáng được ra đường, thì hổ biến mất chẳng biết nơi nào. Bèn men theo đường đi thẳng đến trước. Bảy ngày sau thì đến ao Vu Cừu, lại đến Lương Hán, ra tới Kinh Châu. Không biết về sau, Sư thị tịch ở đâu.

11- Truyện ngài Thích Tăng ý ở chùa Lăng Công Cốc:

Thích Tăng Ý, không biết Sư là người xứ nào. Sư là người trình thuần xác thực rất có năng lực tư duy. Mỗi lúc Sư lên pháp tòa giảng dạy thì liền có hoa trời tuôn rải xuống tòa.

Trong thời Nguyên Ngụy, Sư trụ tại chùa Lăng Công Cốc, nhóm chúng giảng dạy, đến lúc tuổi già, Sư vẫn tinh tấn không hề mệt nhọc. Tại chùa đó có pho tượng nước Cao-ly, Tượng Tướng Quốc, Tượng Hồ Quốc, Tượng Nữ Quốc, Tượng Ngô Quốc, Tượng Côn Lôn, Tượng Đại Kinh, bảy tôn tượng ấy đều bằng đồng mạ vàng, đều tôn trí ở chùa và giảng đường, cửa giảng đường thường mở mà chim thú không dám bước vào, đến nay vẫn còn như vậy. Nên Tượng ngài Linh Dự có lời khen ngợi rằng: “Ứng cảm mà đến, thật không chỉ thuộc, há thần thông ngầm hiển bày và sự bàn luận lý cách tâm thường ư?” Sư kính thờ pháp, tự nuôi dưỡng, đích thân cúng dường. Trước đêm Sư sắp tịch, có một vị Sa-di qua đời trước đã lâu hiện hình đến lễ bái mà thưa rằng: “Từ lúc trái ngược vâng thờ đến nay, con thường bị Thiên đế sai sử, ngừng nghỉ vôi vàng không rảnh rỗi, nên phước bỏ tu hành Đạo nghiệp, không bao lâu nữa Vua trời sẽ thỉnh thầy đến giảng kinh. Xin thầy nhân đó mà nói một lời để con được khởi hình khổ!” Sư bèn tắm gội, đốt hương, ngồi thẳng nơi phòng thất tĩnh lặng chờ đợi thời gian đến. Đến đúng kỳ hạn, quả nhiên có vị trời đến chùa và vào phòng Sư, áo mũ vũ tùng rục rã đặc biệt. Chúng tăng lúc mới trông thấy chỉ cho là người sang trọng trong đời vào núi tham quan bái yết, nên chẳng lấy làm lạ, và trong ngày đó

tự nhiên không bệnh mà Sư thị tịch, mới biết là Linh cảm. Đô Giảng của Sư ở tại Duyên Châu, ngoài ra hương hỏa bối nặc ban rãi nơi các ấp khác. Sau thử xem xét thì đều qua đời cùng ngày.

Có thuyết nói rằng: “Sa-môn Tăng Ý, Chí Trạm là đồng bạn với Lăng Công”. Ở truyện trước ghi chép có thiếu sót, nên ở đây ghi chép lại, ngài Chí Trạm đã chứng đắc Sơ Quả, thấp thờ ngài vẫn hiện còn ở bên cạnh chùa Linh Nham ở Thái Sơn, thấy chép ở Biệt truyện.

12- Truyện ngài Thích Tăng Chiếu trụ chùa Đan Lãnh ở Thái Sơn.

Thích Tăng Chiếu, không rõ Sư họ gì. Sư trụ chùa Đan Lãnh ở Thái Sơn. Tánh tình rỗng rang phóng khoáng, ưa thích tìm kiếm vật lạ, mỗi lúc nghe đến các linh tích lạ lùng, thì không nơi nào Sư chẳng tới.

Nhân phía dưới ghềnh nước có nhiều hang động, là nơi tiên thánh thường dừng ở, nên vào niên hiệu Phổ Thái (531) thời Nguyên Ngụy, Sư đi đến Vinh Sơn, thấy dưới dòng chảy có hang, Sư men theo hang mà vào. Đi được chừng năm-sáu dặm bèn ra khỏi hang, Sư lại đuổi theo đường tắt nhỏ hẹp về hướng Đông bắc leo lên được mấy dặm, gặp một tảng đá lớn rộng chừng vài ba bộ. Có dòng nước từ phía Tây chảy về trong suốt, mang cỏ thuốc lớn trải dài rủ xuống đất. Phía bắc tảng đá lớn có ngôi nhà bằng gạch ba cửa hình dáng rất cổ xưa xấu xí, trước sân bông lúa tung hoành, chim sẻ ăn thức ăn thừa, ở đầu phía đông ngôi nhà có vài cái giá túi vàng, khoảng giữa có hai cái cối sắt cũng có chày giã đều dính bụi bám và đều không có dấu vết nấu thổi. Trong đầu phía Tây ngôi nhà có một vị Sa-môn ngồi thẳng an nhiên bụi bay phủ lấp đến gối. Trông nhìn bốn phía chỉ thấy cây rừng tươi tốt, khe suối chảy dài, lại chẳng có người ở. Chỉ phút chốc Sư gặp một vị thần tăng khoảng sáu mươi tuổi, lông mày dài hơn cả trượng cuộn quanh máng trên lỗ tai, cùng trông thấy vui mừng như gặp người quen cũ. Sư hỏi vị thần tăng ấy từ đâu đến? Vị ấy đáp: “Tôi cùng Bạn đồng học tất cả ba người đến đây để lánh đời, một người hiện ra phía ngoài chưa trở lại, một người chết đến nay đã lâu lắm rồi mà dường như Nhập diệt định, nay đang ở phía Tây trong ngôi nhà, ông thấy chẳng? Ngày nay giòng họ nào là chính?” Sư đáp: “Nhà Ngụy”. Vị Tăng ấy bảo: “Nhà Ngụy hưởng vận nước nhà đã lâu, có phải chẳng là họ Tào ư?” Sư nói: “Họ Nguyên) Vị tăng ấy bảo: “Tôi không biết!” Bèn lấy bông lúa giã nhuyễn nấu cháo. Lại đi vào rừng, lấy các thứ trái lê táo trao cho Sư và bảo ăn, Vị Tăng ấy nói: “Ông hãy ăn đi, Tôi không ăn loại ấy”. Lại hỏi Sư “ Ông thường

tụng kinh gì?” Sư đáp: “Tụng Kinh Pháp Hoa”. Vị tăng ấy gật đầu bảo rằng: “Lành thay hạnh nghiệp tinh tấn! Nay ở phía Đông trong nhà như có kinh ấy, đồng thời tự đọc tụng. Ông muốn nghe chăng?” Sư chấp tay nói: “Xin được nghe!”. Vị Tăng ấy bèn phân vạch ra riêng tụng đọc, hơi tiếng rõ ràng thấu suốt, cho đến gần suốt đêm, Sư mệt ngủ thiếp đi. Vị tăng ấy bảo: “Ông cần nên ngủ, đây là hạnh nghiệp thường hằng của tôi, đến sáng vẫn chưa buồn ngủ.” Sau đó, lại làm các thứ thức ăn, Sư bèn cảm tạ rằng: “Hân hạnh được được kính phụng bái yết, nay tạm trở về, mong sau này sẽ được tiếp việc!”. Vị tăng ấy cũng không lưu giữ Sư lại, chỉ nói rằng: “Bạn đồng học của tôi đã đi vắng, nếu ông có gặp thì sẽ được khai ngộ lớn. Chỉ tiếc không được trông thấy! Đã nói phải trở về là tốt”. Sư bèn tìm men theo đường trở về nước. Sau đó, Sư nhóm kết đồng bạn cùng đến, nhưng ghềnh nước và hang huyệt ấy không lường biết được là ở nơi nào!

Nay các núi ở Chung Nam cũng có việc ấy, đã lắm sự liên quan, không gì chẳng hợp lý.

13- Truyện ngài Thích Đạo Phong trụ chùa Cổ Sơn ở Tương Châu:

Thích Đạo Phong, không rõ Sư họ gì. Ở đời tôn xưng Sư là người Đắc Đạo. Sư cùng ba vị đệ tử trong chùa Cổ Sơn ở Tương Châu, chẳng mong cầu lợi dưỡng. Hoặc bảo là: “Luyện đan vàng trắng, thuốc trị chiêm tượng”. Với các nghệ thuật trong đời không thứ gì Sư chẳng thấu hiểu. Vua Tề qua lại nơi Tinh nghiệp, thường sang hỏi thăm Sư, Sư ứng đối chẳng cần phải suy nghĩ, tùy việc nêu bày. Vua từng bảo người đem rượu và thịt chưng đến để trước mặt Sư và mời Sư ăn uống. Sư liền không từ chối, dốc ý ăn uống no nê. Vua cười lớn hả hê, nhưng chẳng nói năng gì. Sau khi xe giá Vua đi rồi, Sư bảo đệ tử rằng: “Hãy đem vật bỏ ở đầu giường”. Đến lúc mở vật ấy ra thì thấy thịt chưng hồi nãy vẫn còn, đều chẳng bị ăn nhấm.

Bấy giờ, tại chùa Thạch Quật có một vị tăng ngồi thiền, mỗi ngày đến phía Tây thì nhìn về đỉnh núi phía Đông thấy có hiện tôn tượng vàng ròng cao trượng tám. Vị tăng ấy vui mừng cho là thấy được điềm lành. Ngày ngày cứ lễ bái như thế trải qua khoảng vài tháng. Sau đó tại nơi phòng nằm nghỉ, bỗng nghe ở gối có tiếng bảo rằng: “Trong nước lại ở xứ nào có Phật, nay ông đã thành đạo, tức là Phật! Ông phải khéo làm thân Phật, chớ tự xem thường.” Vị tăng ấy nghe rồi liền khởi gìn giữ nặng nề, trông xem chư Tăng bên cạnh như cỏ rác, bèn ở trước

đại chúng chỉ tay vào ngực mình bảo rằng: “Bọn các ông có biết được Phật thật chẳng? Tượng họa nơi khám bùn lời nói chẳng thể phát ra từ môi, trí suy nghĩ thế nào? Các ông thấy Phật thật mà chẳng biết kính lễ, sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ”. Lại nơi trông mắt đỏ ngầu, kêu réo khác thường, chư tăng cả chùa biết đó là Kinh Thiên. Và trước lúc chưa phát khiêng đến chỗ ngài (Đạo Phong). Vừa đến, ngài liền hỏi rằng: “Hai tháng trở lại đây ông thường thấy trên núi phía Đông có hiện tượng pho tượng bằng vàng ròng phải không?” Vị tăng ấy đáp: “Thật có thấy”. Ngài lại hỏi: “Ông có nghe nơi gối có tiếng bảo thành Phật chẳng? Vị Tăng ấy đáp: “Thật có”. Sư bảo: “Đó là gió động mất tâm, nếu chẳng sớm chữa trị, hoặc sẽ bị cuồng loạn khởi, khó có thể ngăn được”. Ngài bèn lấy kim châm vào ba nơi. Nhờ đó mà chẳng phát loạn.

Đến lúc sắp thị tịch, Sư bảo với đệ tử rằng: “Ta ở núi này đã lâu, khiến các ông phải khổ nhọc gánh nước nơi hang động. Nay ra đi không có gì lưu lại, chỉ để lại cho các ông một dòng suối. Đã khởi phải leo trèo lên xuống khổ nhọc, các ông nên phải gắng sức siêng tu Đạo nghiệp!” Nói xong Sư đưa tay búng ra một viên đá vuông bên cạnh khám, bèn có dòng suối huyền lắng óng ánh chẳng đầy chẳng vơi, đến nay vẫn hiện còn.

14- Truyện ngài Thích Viên Thông trụ chùa Đại Trang Nghiêm:

Thích Viên Thông, không rõ Sư họ gì. Ngài xuất gia từ thuở thiếu thời, có lòng thương và sự hiểu biết sâu rộng, rất nổi tiếng ôn hoà thông minh. Sư trụ chùa Đại Trang nghiêm ở Nghiệp Đô, nghiên cứu đọc tụng kinh Niết-bàn, xét tra rõ ràng văn từ yếu chỉ.

Niên hiệu Võ Bình thứ tư (573) thời Bắc Tề, đang trong mùa Hạ, dưới giáng tòa có một vị khách tăng hình tướng ăn mặc sơ sài mà tiết tháo hoà nhã, vì bị bệnh nên đến các chùa, chư tăng thấy sự bệnh hoạn, thoảng mùi hôi hám nên đều nhàm chán không ai dám giữ lại. Sư xét thấy thức lượng của vị tăng ấy rộng xa, khí độ sâu sắc khác thường, bèn mời ở trong phòng mình. Tuy có sự dơ bẩn, nhưng ngay từ đầu, Sư không hề xem thường lo sợ. Ngày một chữa nhóm tình thật, mở mang ý lượng đó. Sư hỏi vị tăng ấy về sở học thế nào. Vị tăng ấy đáp: “Tu học Kinh Niết-bàn”. Sư bèn đem các yếu chỉ sâu mầu trong kinh và những điều mê hoặc chứa nhóm từ các bậc tiên đức chưa từng được giải thích đều tuần tự luận bàn. Vị khách tăng ấy cũng đồng với điều nêu dẫn ấy lại làm thành chương cú, giải thích rõ ràng cao nhã, rất có sự rốt ráo. Sư vui mừng bởi hợp Đạo, càng tinh tấn gấp bội so từ trước đến nay,

trải qua chữa trị thuốc thang, sớm tối chăm sóc gìn giữ. Có lần ở trong đêm Sư bưng một bát rượu nói với vị khách tăng ấy: “Có người khách gọi cho, lúc bệnh uống thuốc này đều tốt!”. Vị khách tăng ấy bèn nâng mỳ mà nhận uống, chỉ một ngụm bèn thôi. Đến lúc mãn hạ, vị khách tăng ấy bệnh cũng vừa lành, bèn giã biệt Sư để ra đi. Sư bảo: “Nay trao y phục để cách biệt, chùa Quan có lệ được ban tặng y phục, hãy chờ đợi năm-ba ngày sẽ có tặng một áo lót mặc lúc trời lạnh”. Vị khách tăng ấy nói: “Chiếu loạn chẳng thiếu sao phải dung chứa thêm phiền”. Ngài cố giữ vị khách tăng ấy để tặng áo đã. Đến lúc giã biệt, vị khách tăng ấy nắm tay Sư căn dặn rằng: “Hễ là người tu đạo, không nên xem thường lúc một mình trong nhà vắng. Pháp sư trước kia đem rượu ban tặng, vì sợ tổn thương ý tưởng đem đến, nhưng đó chẳng phải chánh lý. Từ nay trở đi, việc ấy nên chấm dứt! Vả lại, Pháp sư đã từng đến chùa Thạch Quật ở Cổ Sơn chăng? Tiểu tăng tôi ở dưới chùa nhà nhỏ thuộc phía Bắc cách chùa Thạch Quật chừng năm dặm. Phải đi vòng quanh, phía Đông khe dịch có một hang nhỏ, đi ra phía Đông tức là chùa Trúc Lâm. Lúc nào có duyên sự nghĩ tưởng nên cùng đến hỏi thăm!”. Sư cung kính cảm tạ lời dạy răn trước và hứa sẽ đến thăm. Từ đó bèn từ biệt nhau.

Đến đầu mùa Hạ năm sau, vì chùa Thạch Quật chư tăng đến an cư tu niệm ít nên giảm bớt sự trang nghiêm. Các chùa Quan như Định Quốc, Hưng Thánh, Tổng Trì, v.v... hơn trăm vị tăng là một phiền. Bấy giờ Sư tham dự an cư kiết hạ tại chùa Thạch Quật, trong ý muốn hỏi thăm đến chùa Trúc Lâm, bèn nhân lúc khách chủ nhóm họp đồng đảo, Sư bèn hỏi chỗ chùa. Chư tăng đều cười rộ bảo Sư rằng: “Chớ rao truyền lời yêu quái ấy, chùa Trúc Lâm không có thật. Đó chỉ là lời thường lưu truyền trong thế tục.” Sư suy nghĩ suy vị khách tăng năm trước hiện đến chẳng thường gặp, nói đến việc ấy, tính chẳng đối bày. Chúng tăng cũng lấy làm lạ. Nên mỗi người bàn cùng Sư mang hương hoa đồng đi. Đến phía Bắc chùa cách chừng năm dặm, có một hang nhỏ rồi ra phía đông có một đường hẹp chỉ một người đi được, đi khoảng năm dặm leo lên gò núi, thấy một ông lão tay cầm khăn bịt trán, mặc quần đùi áo hạt ngắn, cầm cái bừa lớn khai mở đất hoang hơn mấy mươi mẫu. Xa thấy chư tăng thả ngựa mà đến trước mặt bảo rằng: “Các Đạo nhân ở xứ nào mà không đi theo đường tắt?” Chư tăng đáp: “Ở tại chùa Thạch Quật, muốn đến chùa Trúc Lâm”. Ông lão ấy tức giận bảo: “Năm trước chùa Quan thả ngựa ăn phá lúa mạ của tôi, con tôi cản ngăn gìn giữ bèn bị đánh đến chết, nay lại cùng nhau mang mặt mũi đến đây ư?” bèn kéo bừa lại rượt đuổi. Chư tăng có hơn mười vị nhìn lại hang bỏ

chạy, riêng ông lão chẳng rượt đuổi Sư, mà bảo với Sư rằng: “Ông là người khoẻ mạnh chẳng trở lui, thả ông vào núi cho hổ ăn.” Sư liền đi về hướng Đông khoảng vài dặm, gặp một khe nước cạn mà cây cối rất tốt tươi, rậm rạp. Sư tìm theo khe cứ đi thẳng về hướng Đông. Chỉ nghe trên ngọn núi phía Nam có tiếng phúng tụng. Sư bèn hỏi “Chùa Trúc Lâm ở nơi nào?” Liền có tiếng hỏi lại rằng: “Từ xứ nào đến đây?”. Vị ấy liền vén rừng giẫm qua hiểm trở đi đến chỗ Sư, và Sư cũng lần lượt mở thoáng tràn đầy vui mừng, nói năng tâm tình. Vị ấy bảo: “Ở dưới núi chùa nhỏ hẹp, tầng đồ ô hợp, tâm tánh nhiều xao động, thật chẳng xứng đáng để chiêm ngưỡng. Tuy nhiên, đã giáng trọng, thì trọn phải đến núi.” Bèn cùng nhau đi về phía trước chừng mấy dặm, bỗng thấy có cửa cao hai cánh, hàng hiên dài nhiều lớp đường đi, trúc cao đến tận mây xanh, thông che ánh mặt trời. Phía ngoài cửa sơn đen, có máng dài hơn trăm thước, tất cả có đến mười hàng, đều bày đầu ngậm vòng, vàng đồng xen lẫn trang sức, để đựng các thứ thóc đậu. Bên cạnh có dấu chân ngựa mà được quét rưới sạch sẽ. Vị ấy bèn để Sư dừng lại bên trái cửa mà bảo rằng: “Trước nên hỏi ý Hoà-thượng đã.” Chỉ phút chốc liền dẫn Sư vào trong giảng đường, đến phía Tây dưới hàng hiên. Hoà-thượng ngồi trên giường cao. Người hầu toàn là trẻ nhỏ khoảng năm sáu mười người. Hoà-thượng tuổi khoảng ngoài bảy mươi, mặt mày phong nhã trang nghiêm, tướng trạng như Phạm tăng, tựa án sửa văn thư. Bên cạnh có người thông sự. Sư bèn lễ bái kính yết rồi đứng yên. Hoà-thượng bảo rằng: “Đã ở tại chùa Quan, thì mọi sự cúng dường nông hậu khó bỏ, đâu thể tự nhận chịu? Chùa này thật không có gì đáng chiêm ngưỡng. Sư bèn trình bày đầy đủ tâm ý của mình. Hoà-thượng bèn bảo an đặt, dẫn Sư nhiều quanh thăm viếng, lễ bái các phòng. Thấy ở hai phòng, chư tăng mỗi vị đều ngồi nơi màn trướng quý báu, các thứ đan xen giao kết trang sức ánh ngời hơn cả ánh sáng mặt trời. Chư tăng nói với vị tăng dẫn Sư đi rằng: “Đó là ai mà dám vào đây?” Và xua tay bảo vị tăng dẫn Sư đi, tăng tỏ vẻ hổ thẹn ngoái lại bảo Sư rằng: “Tình ý chẳng đồng, cản trở sự trông mong của người, hãy đến phòng của tiểu Tăng để nghỉ ngơi!”. Bèn dẫn Sư vào phòng, kể lại đầy đủ duyên xưa, và bày thức ăn bữa trưa. Thức ăn toàn là mùi vị bình thường như ở Nghiệp Đô. Sau bữa ăn, lại dẫn Sư đi xem các đồ tượng trang nghiêm, ao vườn đài các, rảo bước chung quanh ngắm nhìn nhưng chẳng thể cùng khắp. Nhân đó, Sư tự tỏ bày rằng: “Nếu được ở bên cạnh vết tích phong trần này, thường quét tước, nguyện trọn đời hết lòng!”. Vị tăng ấy bảo: “gặp nhau liền vừa ý. Chỉ cần phải thưa hỏi Hoà-thượng, chưa biết kết quả như thế nào.” Đêm

đó, giữ Sư ở lại. Đến sáng sớm vị tăng ấy vì thưa hỏi với Hoà-thượng. Hoà-thượng bảo: “Rất hiểu ý muốn lại nói, và cũng chẳng tiếc gì một phòng. Nhưng vì hễ nhận thọ Quan mời là vì phước báo chẳng phải cạn. Nếu y theo Tăng Pháp, thì không được tên sống ở hai xứ, nên nay hãy trở về, bỏ tên Quan rồi lại đây sẽ dung chứa, chớ lấy làm tiếc!”. Và liền sai đưa Sư đi ra. Đến bên cạnh máng ngựa, Sư nhìn lại mền mộ rơi lệ, tự thương tội nặng chẳng được giữ lại, Sư nắm tay vị tăng ấy mà giã biệt. Đi đến phía Tây chừng trăm bước, xoay nhìn lại vẫn còn nhìn thấy cánh cửa nghiêm nhiên, Sư vừa lần bước đi vừa nhìn lại, đi khoảng chừng vài dặm, tự nhiên thấy núi non cao vợi hiểm hóc, chẳng còn là chùa viện. Sư buồn bã tìm đường đi, đến chỗ đất khai hoang, bèn không còn dấu vết tiếp nối, chỉ có cây bụi vướng vít.

Có những vị thức giả bình luận rằng: Người trước mang bữa xua đuổi chúng tăng, giả làm thần quái lạ để khiến một mình Sư đi đến, đó là chỉ bày hữu duyên. Nói Đại Hòa-thượng, há chẳng phải ngài Tân-đầu-lô ư? Như trong Luận Nhập Đại thừa nói: Các Tôn giả Tân-đầu-lô, La-hầu-la v.v... tất cả mười sáu vị Đại Thanh Văn rải rác ở trong các núi bãi. Lại trong các kinh điển khác cũng có nói đến chín mươi lăm ức Đại A-la-hán đều ở trước Đức Phật nhận thể, sống lâu ở đời và rải rác khắp các núi biển trong ba phương để giữ gìn chánh pháp. Nay chư tăng ở chùa Thạch Quạt thường nghe tiếng chuông lạ và tiếng vang Phúng tụng phát ra khắp cả núi rừng. Nên biết cung thần chùa tiên đều là thật.

Tôi (Đạo Tuyên) đến Tương Châu, tìm đến Cổ Sơn, ở phía Tây Bắc đất Nghiệp xưa trông thấy Đá nằm ngang, tướng trạng như hình chiếc trống. Nên ở đời có lời tương truyền rằng: “Nếu trống đá kêu thì các phương chẳng yên tĩnh”. Vào cuối đời Tùy, đã thường nghe tiếng ấy, bốn biển đều sôi sục. Đó chẳng phải luống dối. Tả Tư Ngụy Lang nói rằng: “Thần Chiêng xa xôi thay đổi nơi núi cao, vọng hưởng thâm linh khi ấy cảnh tĩnh ra ngoài bốn cõi.” Sau khi Thần Võ đời Nghiệp Đô, nhân đó trên và dưới núi đều xây dựng Già-lam. Hoặc tiều phu hái củi lảng đi, hoặc thầy thợ vào cùng đục tạc, thần nhân nhằm chán sự ồn ào nhiễu loạn ấy nên vất bỏ rất nhiều, cho nên đời gần đây đến núi ít gặp các linh tích, mà truyền thuyết về Trúc Lâm thường thường khác lạ. Bởi vì Nghiệp hạnh của mỗi người có tinh thô khác nhau, nên sự cảm thấy có nhiều hình thái. Gần đây có người từ Lỗ Sơn đi lên theo hướng Đông, xa thấy trên đỉnh núi có đường lớn, thông xanh từng hàng, tìm men theo đường đến nơi cung, dẹt hoa khó gỡ, cây báu, mỹ nữ cùng lần

lượt đua vui, hỏi những bậc trượng phu, đều bảo là “. Vừa đến Thiếu thất, vì gấp chiều tối nên phải trở về”. Lại đi thêm mấy dặm nữa, toàn là rừng trúc, tìm theo con đường tắt đi đến hướng Tây mới tới được chùa đó. Chúng tăng thấy khách đến, mừng gặp tiếp đón niềm nở, cung cấp cho thức ăn uống rồi chỉ cho người ấy đi đường về. Người ấy bèn từ núi đi theo hướng Tây Bắc mà xuống, cách huyện Võ An không quá mười dặm.

Đến thời Bắc Chu phá diệt đánh chiếm Bắc Tề, không có y phục riêng khác, tại phường Đông hạ ở Nghiệp đô có cấp sự Quách Di, lấy cố bệnh nên từ tạ về nhà để tĩnh dưỡng tại Lư Cảnh, thăm nghe trong ngoài từ tế ở nổi lòng, trước phế lão tăng thấy đều gồm râu dưỡng, tụng đọc nơi vườn nhà. Bỗng nghe có tiếng gõ cửa, liền bảo kẻ tớ ra xem, thấy một vị Sa-môn cầm tích trượng bình bát, bảo là: “Bần đạo trụ chùa Trúc Lâm ở Cổ Sơn gấp đi khát thực”. Quách Di ở gần cửa bèn vọng tiếng đáp từ xa rằng: “Chúng tăng chỉ nói là khát thực, cần gì phải dối là Thánh?” Và tự thân ông ta đến xem, tìm khắp bốn phía mà không thấy, mới biết đó là người phi thường, bèn hối hận vì lời nói khinh thường của mình nên đến nổi khiến bậc Thánh ẩn đi!

Vào những năm đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, tại hang Bảo Phúc ở Giới Sơn, có Sa-môn Tuệ Lâm là vị tăng Cao Khiết, sống riêng nơi tĩnh lặng tu thiền. Bỗng thấy ba vị thiền tăng đến bên cạnh Phật đường, ngài Tuệ Hư lấy làm lạ, cho là chư tăng ở núi, bèn vào phòng lấy tọa cụ đến lễ bái yết kiến, khi đến thì hai vị thân tăng vừa và nhỏ ôm hòm sách đứng phía trước, còn một vị lớn ở sau nương hư không từ từ theo hướng Nam bay lên đỉnh núi cao. Mây trắng từ phía Bắc đón rước che phủ không thấy. Trải qua sau đó một thời gian ngắn, lại thấy một vị tăng từ phía Đông đi thẳng vào vách hang. Ngài Tuệ Hư bèn đuổi theo đánh lễ, vị ấy liền lặn vào trong đá. Tại hang núi ấy thường có tiếng chuông ngân vang, theo đúng thời khắc mà gõ, tuy nghe tiếng mà không được nói. Đó cũng là những sự cảm thấy khác nhau, không thể nhất định. Đại lược mà nói thì những nơi hang hóc linh dị chỉ nên tĩnh lặng rỗng rang. Nếu có sự ồn ào huyên tạp thì ít nghe thấy được các tướng lạ.

15- Truyện ngài Thích Tuệ Bảo ở Thái Nguyên:

Thích Tuệ Bảo, không rõ Sư họ gì. Sư đọc tụng kinh hơn hai trăm bộ. Những bậc ưu đức tiên đạt thời bấy giờ đều nhận biết tiếng tăm Sư.

Niên hiệu Võ Bình thứ ba (572) thời Bắc Tề từ Tinh Châu đến Nghiệp Đô, Sư đi tới Ngãi Lăng Xuyên, bị lạc đường, Sư bèn đi tắt vào núi. Chiều tối, Sư nghỉ lại dưới hang núi. Có một ngôi thất dường như có người ở, nhưng nhìn chung quanh không thấy gì cả. Sư ngồi trước thất nhìn lên cây thông, nơi tàng nhánh rộng, có trên một chiếc khánh, cách đất hơn một trượng. Đêm đến, vào khoảng canh hai, có người mặc áo cỏ từ ngoài đi vào, bảo rằng: “Trong đây vì sao lại có hơi hám người thế tục?” Sư liền kể lại đầy đủ và tỏ bày cung kính, người ấy nói chuyện với Sư và hỏi Sư rằng: “Ngày nay, giòng họ nào thống trị nước nhà?” Sư đáp: “Giòng họ Cao, nước hiệu là Tề”. Sư lại hỏi: “Tôn sư ở núi này được bao lâu rồi?” Vị ấy đáp: “Ở từ thời Hậu Hán đến nay! Trưởng lão đã được kinh nghiệp gì? Sư cậy mình tụng đọc thông rộng nên rất lấy làm tự khoe. Vị Sơn tăng ấy bảo: “Người tu Đạo không nên như thế, muốn nghe kinh gì, tôi sẽ tụng cho?” Sư nói: “Thích nghe Kinh Hoa Nghiêm”. Vị tăng ấy chỉ trong thời gian ngắn đọc tụng văn kinh đã xong, lời tiếng hài hòa, ở đời chẳng thể nghe được. Sư lại bảo tụng tiếp các phần khác, vị tăng đều thực hành như thế. Sư kinh hãi ngợi khen rằng: “Do nhân gì mà kinh văn bộ lớn không bao lâu đã đọc xong?” Vị tăng ấy bảo: “Ông có tác Tâm, Tôi không có tác tâm. Hễ quên sự nhớ nghĩ đối với muôn vật thì đây kia tự được”. Sư biết đó là Thần dị, bèn cầu xin ở lại, vị tăng ấy bảo: “Lợi dưỡng trong nước vời gọi ông, làm sao có thể tự an được. Vả lại, tình lụy ông chưa dứt trừ, ở cũng không ích lợi gì”. Đến sáng, vị tăng ấy bèn bỏ đi, Sư liền tìm lối vết để đi. Đến Nghiệp Đô Sư kể lại việc đó.

16- Truyện ngài Thích Tăng Vân trụ chùa Bảo Minh ở Nghiệp Hạ:

Thích Tăng Vân, không rõ Sư là người xứ nào. Sư biện giải thông rành từ lệnh, thấu suốt đầy đủ cả Đại, Tiểu thừa. Sư tôn kính, nương nhờ trai hội giảng pháp, thường lấy làm việc chính. Dưới thời Bắc Tề, tại Nghiệp Đô mở mang Tam Bảo hưng thịnh. Sư rất được nổi tiếng. Sư trụ chùa Bảo Minh ở Nghiệp Đô coi sóc Đại chúng.

Vào ngày mười lăm tháng tư, đến lúc thuyết giới, chúng tăng đều nhóm họp tại Phật Đường. Sư ở ngôi vị Thượng Thủ, bèn bạch với chúng rằng: “Giới bản là ngăn quấy, mỗi người đều tụng được, sao nhọc phiền chúng tăng tất cả phải ngồi nghe? Hãy bảo một vị tăng lập nghĩa giúp người hậu sinh khai ngộ”. Sư là người khí khái có phong cách ở đương thời, nên không ai dám chống cự, tất cả đều vâng theo. Dần dần đến

cưỡi Hạ thường bỏ phế việc tụng giới. Đến sáng sớm ngày mười lăm tháng bảy, sắp lên tòa cỏ, bỗng nhiên chẳng thấy SƯ đâu. Đại chúng và tuổi mới đầu chưa thọ thay nhau phế bỏ pháp Tự tứ, đồng một lúc tuôn ra khắp bốn phía tìm kiếm SƯ, bèn đến nơi cách chùa chừng ba dặm, ở trong gò mã cũ thấy SƯ ở đó. Khấp thân thể SƯ máu huyết rướm chảy như bị dao cắt. Hỏi về nguyên do, SƯ nói: “Có một người cao lớn cầm con dao lớn dài ba thước, sắc mặt nổi giận bảo SƯ rằng: “Thay đổi Bồ-tát, vọng sung lập nghĩa”. Dao cắt vào thân đau đớn khó chịu nổi. Nhân đó, bèn dẫn SƯ về lại chùa, dốc tận tâm tình, chí thành sám hối. Mới trải qua mười năm thuyết giới Bồ-tát, đọc tụng các kinh, SƯ lấy đó làm hạnh nghiệp thường xuyên. Đến ngày SƯ thị tịch, có mùi thơm lạ đến đón rước, thân sắc SƯ không tán loạn, vui vẻ an nhiên mà thị tịch. Người đương thời đều vui mừng về sự việc của SƯ ngay trong đời nay tự sửa đổi, không rơi vào vòng khổ.

17- Truyện ngài Thích Tăng Viễn trụ chùa Tiết ở Lương Châu:

Thích Tăng Viễn, không rõ SƯ là người xứ nào. SƯ trụ chùa Tiết ở Lương Châu. Tánh tình SƯ hơi hột buông lung, chẳng tu tế hạnh, ưa thích truy tìm theo lưu đảng, ham vui với yến tiệc là việc thường.

Niên hiệu Võ Bình thứ ba (572) thời Bắc Tề, SƯ nằm mộng thấy có một người thân hình cao lớn, nghiêng rằng quở trách SƯ rằng: “Ông là người xuất gia, mặt mày như thế, còn buông lung tạo ác, sao chẳng lấy kiếng mà tự soi chiếu?” SƯ bỗng nhiên tỉnh giấc kinh hãi sợ toát mồ hôi. Đến sáng sớm đem một bát nước để tự soi rọi mới thấy bên cạnh khoé mắt có chấm đen cho là mồ hôi bắn, bèn chùi thử, lông mày đồng 1 lúc theo tay mà rơi rụng hết. Nhân đó tự trách lỗi lầm, cơ sao ương họa đến nỗi này! Bèn thay đổi thói quen thường, ngày sửa thân đổi tánh, thân mặc áo thô xấu, chân mang dép cỏ, mỗi ngày ăn một bữa chay trường, vâng hành kính thờ Luật nghi, sớm tối sám hối, tự buồn thương ứa lệ. Trải qua hơn một tháng sau, SƯ lại mộng thấy người trước kia mỉm cười, bảo ngài rằng: “Biết được lỗi lầm mà sửa đổi, đó là người Trí! Nay tha thứ lỗi lầm xưa của ngươi, chớ nên lại tiếp tục”. Bỗng nhiên SƯ kinh hãi vui mừng tỉnh giấc, mồ hôi đổ khắp thân, mặt mắt đờm nhuận, lông mày dần dần mọc lại.

SƯ thường cảm hai báo, tin biết được ba đời. Từ đó về sau, SƯ dốc tâm tinh thành, vâng hành chánh pháp, trong suốt thời gian chẳng hề tạm biếng trễ. Sau cùng SƯ trở thành vị tăng luyện hạnh. SƯ về lại Hưng Xuyên, và thị tịch ở quê nhà.

18- Truyện ngài Thích Tuệ Chấn trụ chùa Nguyên Khai Phủ ở Thượng Đẳng:

Thích Tuệ Chấn, là người xứ Thượng Đẳng. Sư vâng giữ giới luật chánh chân, trình thuần xác thực, khó ai vượt hơn. Sư trụ chùa Nguyên Khai Phủ ở trong quận, riêng sống tĩnh lặng trong một phòng, thiền quán, sám hối là hạnh nghiệp chính của Sư.

Vào niên hiệu Kiến Đức thứ sáu (577) thời Bắc Chu, Tam Bảo bị phá diệt. Sư bèn mang kinh tượng vào ở ẩn trong núi sâu. Gặp giặc muốn đến cướp, ban đầu, Sư chưa nhận biết, bỗng nhiên thấy một người thân hình cao lớn hơn một trượng, râu tóc đẹp xinh, mặt che khăn sa, mặc áo bào màu xanh, đeo chín vòng bằng vàng, mang giày da, cưỡi ngựa trắng, bồm đỏ, từ trên đỉnh núi đi tắt đến trước mặt Sư, xuống ngựa, bảo với Sư rằng: “Đêm nay giặc sẽ đến. Sư hãy gấp trốn lánh!” Sư ở dưới bờ vực sâu thẳm, dứt bật không đường nào đến, nên nghi đó là thần núi, bèn nói rằng: “Nay Phật Pháp bị hủy diệt, bần đạo không nơi dung thân, nên lại nương tựa đàn việt, nhưng nay có giặc đến, chánh là có thể nhận lấy sự chết ở ngay đây, chứ đâu còn có nơi nào để trốn lánh!” Thần bảo rằng: “Sư từ xa đến nương nhờ đệ tử, đệ tử cũng có thể bảo hộ Sư, hãy nên ở đây”. Nói xong, bèn biến mất. Ngay trong đêm bỗng giáng hiện tảng tuyết lớn dày hơn cả trượng bao phủ lấy Sư, nhờ đó mà khỏi được nạn giặc. Về sau, bọn giặc lại tìm đến, thần bèn mách bảo dân chúng các thôn ấp dưới núi rằng: “Giặc muốn giết hại sư Tuệ Chấn, phải gấp đến cùng cứu”. Mỗi người tự cầm nắm khí tượng vào núi, giữa đường gặp giặc bèn chống cự, đánh cho tan rã. Từ đó mỗi ngày Sư thường nương nhờ nhờ đó mà an tu Đạo nghiệp nơi núi rừng.

Không biết về sau, Sư thị tịch ở đâu.

19- Truyện ngài Thích Hồng Hiến trụ chùa Đại Từ ở Tương Châu.

Thích Hồng Hiến, là người xứ Nghiệp Đô. Thuở thiếu thời, Sư có vào Đạo Môn, sớm tỏ ngộ Luật Kiêm, nghe trải qua khổ nhọc, hai mắt đều mờ tối. Sư trụ chùa Đại Từ ở Tương Châu, đã không có người dẫn dắt trước, nên thường ở trong phòng, lễ bái trì tụng làm đầu, chẳng phớt bỏ sớm tối.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bốn (594) đời Tùy, bỗng nhiên chiêu cảm có một vị thần tự xưng là Đàn Việt Bát-nhã đến xin Sư thọ giới. Qua vài lần đến cùng bàn nói, tại đồng phòng có Thiên sư Tăng Cương, lúc vào trai đường thọ thực, Bát-nhã bèn lấy một chiếc áo xiêm

của Ngài Tăng Cương đến cúng dâng. Sư mà nói rằng: “Luống nhọc tỏ bày Pháp sự, lợi ích chẳng ít, nên xin kính dâng y vật, mong nhận lấy cho!”. Sư nhận lấy và cất vào trong hòm. Sau khi thọ trai xong, ngài Tăng Cương trở về lại phòng lấy làm lạ bị mất áo xiêm, tìm khắp trong chùa, bèn thấy được ở chỗ Sư. Sư trình bày đầy đủ sự việc ấy, nhưng ngài Tăng cương không hề tin. Thần bèn vất mọi thứ y vật của ngài Tăng cương đầy trên bàn, bữa bãi khắp sân, bút viết cân thước bị gãy mấy khúc. Thần ở giữa hư không bảo rằng: “Sa-môn Tăng Cương chẳng khéo thiết lập trai hội cúng dường Tam Bảo, ta gieo tai họa đến người mà chưa hết”. Sư mắt mờ bèn cùng Bát-nhã nói về việc mất đồng trông thấy. Thần nói với Sư rằng: “Các bạn rất đông và đều ở trên sông Tử Bách, chỉ có ba mươi người cùng đi theo, hãy bảo nhà chùa dọn bày thức ăn”. Chúng tăng bèn bày hội ở phía Tây Viện. Thần bảo rằng: “Tốt lành thay các thứ ăn uống! Nhọc tốn phí của các Sư v.v... Tuy nhiên Thiên sư Tăng Cương không bày trai cúng, sau trai hội này sẽ khiến cho biết”. Ngài Tăng Cương không hiểu tại sao mà cứ bị bức bách làm cho sợ hãi chẳng thôi, bèn đem tất cả của cải tài vật riêng tư tạo lập các trai phước. Bát nhã lại bảo rằng: “Đã làm việc Phước, nay sẽ phóng thả”. Và bèn đem hai xấp lụa giao cho Sư mà nói rằng: “Nên cúng thí một xấp cho đại chúng, còn một xấp tặng cho Thiên sư Tăng Cương”. Sư đối trước chúng nhận được và mọi người thấy đều nghe thấy, Sư bèn y theo sự giao mà nhận. Từ đó về sau, Sư càng siêng tu bốn nghiệp. Sư thị tịch ở chỗ Sư ở.

20- Truyện ngài Thích Tuệ Vân ở Đông Xuyên:

Thích Tuệ Vân, là người xứ Phạm Dương, xuất gia năm mười hai tuổi. Sư đi khắp nơi nghe giảng lấy làm việc chính. Năm mười tám tuổi, Sư cưới lẽa đến dừng ở nhà người chú. Người chú trông thấy con lẽa ấy rất ưa thích, nên bày kế muốn làm hại Sư. Vừa mới mang dao đến, bèn thấy dưới tường phía Đông có người mặc áo vàng nắm tay đi ngược lại quát mắng rằng: “Đạo nhân này mới là bậc Đại Sĩ thông pháp, sao dám làm hại như thế?” Người chú kinh sợ, nói với người vợ. Người vợ bảo: “Tâm ông không cứng rắn, chánh vì hoa mắt nên khiến như thế”. Nghe thế, người chú lại tìm đến, lại thấy ở dưới tường phía Tây có người mặc áo vàng bảo rằng: “Chớ giết hại Đạo nhân, nếu giết hại thì họa lớn sẽ đến”. Người chú kinh sợ bèn thôi. Đến sáng sớm, Sư từ giả để đi đến nhà người chị gái. Người chú lại mang dao đi theo, bảo với Sư rằng: “Con đường này tối khuất hiểm trở, nên chú sẽ đưa cháu ra khỏi chỗ

khó khăn.” Sư đi trước, vừa đến chỗ sâu thẳm hiểm trở, người chú đi sau lưng hươu dao muốn chém, bỗng thấy chồng người chị gái của Sư bên cạnh. Nên được thoát khỏi sự gia hại mà Sư đều không hay biết.

Vào niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Sư đi khắp Thương Ấp, xem đủ các thứ kinh luận. Tiếng tăm vang khắp Đông hạ, vẻ vang suốt một thời. Sau đó, Sư dẫn đồ chúng có cả năm trăm vị lại đến nhà người chú. Người chú thấy Sư đang mở mang giáo hóa ở giữa đường ngã tư, bèn nhớ lại việc gây hấn ngày trước, bèn dâng cúng Sư mười xấp lụa, vợ chồng cùng nhau tỏ bày hối lỗi. Sư mới biết việc đó. Và liền nói pháp để dứt bỏ, an nhiên không hiểm hận. Sư thường đem việc ấy mà răn dạy các môn nhân đệ tử rằng: “Tôi khi xưa nếu chẳng cưỡi vật tốt đẹp thì việc gì phải khổ lụy đến người. Từ khi dự phần vào học chúng thì không trang sức phù hoa, chỉ được giữ gìn thân mạng lâu dài”. Trở thành lời tụng nơi miệng Sư. Về sau không biết Sư thị tịch ở đâu.

Dưới thời Vua Tuyên Đế (Trần Húc 569-583) đời Trần, ở Song Lâm thuộc Huyện Ô Thương, Quận Đông Dương, có Đại Sĩ Phó Hoàng là người thấu suốt quyền xảo ứng đạo, tiếp nối vết chân Cư sĩ Duy-ma cật. Bấy giờ, có lúc Sư phân thân cứu giúp lấy làm việc chính, nương ở tại Song Lâm, dẫn dắt hóa độ pháp tục, hoặc mâu vàng ròng biểu hiện ở ngực. Có mùi thơm tỏa trong lòng bàn tay, hoặc hiện thân cao hơn một trượng, cánh tay dài quá đầu gối, chân dài hai thước, ngón tay dài năm tấc, hai mắt sáng rực, có hai con người tỏa chiếu ra ngoài. Hình sắc dung mạo trang nghiêm cao vọng, rất có tướng của bậc Đại nhân.

Khi Vua Võ Đế (Tiêu Diễm 502-550) thời Nam Lương dẹp loạn mở Đạo, riêng chú ý đến Thích Môn, tâm tánh tinh thuần cảm khắp đến các Hiền Thánh. Sa-môn Bảo Chí là người mở dẫn vết tích ở Kim Lăng, nhưng Phó Công (Đại sĩ Phó Hoàng) ở Song Lâm là người thấu suốt dẫn dắt. Người đương thời xưng lời chẳng biết địa vị của Sư, Sư bèn sai sứ mang thư đến tặng vua Võ Đế rằng: “Đại sĩ Thiện Tuệ là người sẽ giải thoát ở tương lai, hiện ở dưới tàng cây nơi Song Lâm, kính bạch với Quốc chúa là bậc Bồ-tát cứu đời, nay chia điều lành có ba bậc thượng trung hạ, mong có thể thọ trì. Điều lành bậc thượng là lược dùng cội lòng rộng lẳng làm gốc, chẳng đấm trước làm Tông, quên mất tướng làm nhân, lấy Niết-bàn làm quả. Điều lành bậc trung là lược lấy giữ thân làm gốc, trị nước làm Tông, quả báo ở cõi trời và ở nhân gian đều an vui. Điều lành bậc hạ là lược dùng để che chở nuôi dưỡng chúng sinh.” Vua nghe đó, bèn thỉnh Sư đến trụ ở Kiến Nghiệp, bèn xây dựng chùa Định Lâm ở Chung Sơn, ngôi phủ dưới tàng cao, nằm nương trên

tảng đá, suốt cùng bốn phía cả sáu tuần, hoa trời cam lồ thường tuôn chảy trên đất. Về sau, Vua đến điện Trùng Vân 73 vườn Hoa Lâm Khai giảng đề Kinh Bát-nhã, bày riêng một tòa, thỉnh Sư cùng Thiên chỉ đối dương. Khi kiệu ngọc lên điện mà Sư vẫn an nhiên ngồi đó. Hiến Tư cơ hiềm hỏi rằng: “Chỉ nói là Pháp Địa bất động, nếu như động thì tất cả đều chẳng an!”. Sư nhận biết thời vận nhà Nam Lương sắp hết, nên xót thương cứu khổ binh tai, bèn đốt cánh tay làm đuốc để cầu nguyện xua đuổi họa đến.

Đến giữa mùa Hạ niên hiệu Thái Kiến thứ nhất (569) đời Trần, Sư ở tại Bồn Châu, nằm nghiêng hông bên phải, lắng dần đến thị tịch. Bấy giờ, gặp lúc trời nắng nóng mà thân thể Sư vẫn ấm, hình sắc dung mạo phô bày nét mặt vui vẻ, ngài sáng trạng thái sạch đẹp. Mọi người cùng nhau đón rước đến an táng trong hang núi, qua mấy tuần hương hoa tán rải chứa nhóm. Sau đó bỗng nhiên mất hẳn dấu vết, những người đến tìm thăm mà không thấy, gào khóc kính mến càng sâu sắc. Tiếng khóc buồn thương quyến luyến nức nghẹn cả hang núi. Bộc Xạ Từ Lăng đời Trần soạn bài Minh, thấy ở loại văn.

21- Truyện ngài Thích Pháp Lăng ở Ngạc Châu.

Thích Pháp Lăng, ngài còn có tên là Tăng Lăng, họ Hứa, người ở xứ Nam Dương.

Năm ngoài hai mươi tuổi, Sư mừng vui muốn xuất gia, sau đó được dự phần xuống tóc, không có nơi nương ở cố định, phần nhiều Sư ở tại Ngạc Châu. Hình mạo Sư giống như thế tục mà rất có kỳ tướng, Sư uống ăn đồng như thế tục, nên mọi người đương thời đều xem thường Sư, Sư thường nuôi một con khỉ và một con chó, tướng mạo to lớn mạnh khỏe, màu lông đều vàng đỏ, chẳng quen đùa bỡn với người khác, chỉ nương tựa nơi Sư, ngày đêm cùng đi theo Sư không hề tạm xa rời. Như đến giờ ăn, Sư dùng bát gỗ thọ thực. Sư ăn no, còn dư cho chó dùng, chung một đồ dùng với Sư. Con khỉ liền lấy bát đội lên đầu và cưỡi lên trên lưng chó, dẫn trước Sư mà đi. Nếu có người muốn cướp đoạt, chó liền lớn tiếng gầm gừ. Sư mặc tình để chó dẫn đi vòng quanh, không có thường độ.

Khoảng cuối đời Trần, đầu đời Tùy, Sư đi đến ngoài giang lãnh, mặc đồ thô xấu, oai nghi thoát vượt thứ lớp, giữ gìn roi gậy mang theo che chở nuôi dưỡng thân mạng. Bấy giờ, Sư lại đọc tụng các kinh, nhưng chỉ lấy Kinh Pháp Hoa làm chỗ đặt để chí nguyện. Vốn thiếu tiếng như chim hót, trong trẻo, dôi dào, Sư bèn thanh khiết lập thệ nguyện trì

tụng, mỗi lần ngồi tụng suốt bảy biển, như thế chẳng bao lâu, âm thanh Sư vang như sấm động, biết rằng Phước lực ấy có thể lần lượt nương tựa lên, nên Sư trì tụng lấy số bảy làm kỳ hạn, mới dần lên đến bảy mươi biển, bảy trăm biển, bảy ngàn biển và đến cả bảy mươi ngàn biển, âm vận tiếng tằm hài hòa, mặc tình tuôn nhã. Nên với các loại đàn tranh, tiêu sáo, tỗ phát ra rõ ràng nên kinh đã tụng. Bấy giờ, những người bên cạnh sự xem nghe đều mất, môi mép Sư không lay động mà lời tiếng phát ra từ cổ họng, xa gần đều rõ suốt, nhân đó mà nổi tiếng. Nhưng cánh tay, cẳng chân và tay Sư cứ duỗi thẳng mặc lòng, có khi như rùa thụt vào mai, có lúc Sư đồng tụ hội nơi hàng thịt, hoặc vào trong quán rượu, cùng với mọi người, uống rượu ăn thịt, chẳng lường biết là như thế nào. Nên trong đời có lời nói rằng: “Pháp Hoa Lăng, năm nơi cùng lúc co, thịt heo đầy miệng má.” Hoặc Sư lại đi tuần ngược dòng sông đến đất Biện, khoanh tay ngồi dưới thuyền, khỉ và chó ở bên cạnh, đều không có mái chèo quấy bơi, tùy ý chỗ nào muốn đến thì đến, tuy lướt giữa sóng gió mà chỉ khoảnh khắc là đến nơi.

Có vị Tỷ-khưu-ni bị Quỷ mỵ dựa nhập, siêu ngộ huyền giải, biện luận khắp các kinh văn, ngồi ở Tông chủ Giảng Đạo, mọi người đến nghe học như mây nhóm, đều không ai lường biết, không ai chẳng khen ngợi sự thông minh tỏ ngộ ấy. Sư nghe thế, bảo rằng: “Đó là tà quỷ gia nhập, đâu phải chánh lý, sau này phải xem xét”. Một hôm, vào buổi sáng, chó và khỉ dẫn thẳng đến chùa ni, Sư theo đến lễ phật, nhiễu tháp, rồi đến trước giảng đường. Cô ni ấy còn đang giảng nói. Sư bèn gần tiếng quở trách rằng: “Kẻ tiểu tỳ kia, nay ta đã đến, sao chẳng xuống tòa?” Cô ni ấy vâng theo tiếng vọi xuống tòa, chạy ra trước giảng đường, đứng đối diện chỗ Sư từ sáng sớm giờ mao cho tới giờ Thân, sừng sững chẳng rời khỏi chỗ, mồ hôi tuôn đổ xuống đất vẫn nín thinh không nói năng gì. Hỏi đến năng lực tuệ giải thì im lặng như ngậy như điếc, một trăm ngày sau mới bình phục lại bản tánh. Sư có năng lực hàng phục cảm thông đều đại loại như thế.

Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, vẫn còn chưa có một hạt bụi bay mà miệng Sư luôn bảo “Giặc” sớm tối không nghỉ. Quan nhân đều lo sợ cho đó là Sư mê hoặc quần chúng, bèn thâm giết hại Sư. Có Sa-môn Pháp Lâm ở Tương Dương là người vốn giao du với Sư, kính quý sự thấu đạt sâu xa của Sư, nhân sự việc mà trình bày, nên liền tuần tự mà ghi chép.

22- Truyện ngài Thích Đạo Tiên trụ chùa Trúc Lâm ở núi Quán

Khẩu:

Thích Đạo Tiên, ngài còn có tên khác là Tăng Tiên, người nước Khương Cư. Sư làm nghề buôn bán, thường qua lại xứ Ngô Thục, cũng như trên dưới sông biển chứa nhóm các thứ của báu, nên của cải Sư có được đầy ắp cả hai thuyền. Bấy giờ, có người tính rằng tiền Sư có đến mấy mươi quan, còn vàng báu thì đầy ắp. Tham giá càng sâu, chỉ tiếc chưa được nhiều, lấy nghiệm muốn nuốt luôn biển cả. Sư đi buôn đến tận núi Ngưu Đầu, ở quận Tân thành, thuộc Tử Châu, gặp được Thiên sư Tăng Đạt đang giảng pháp, ngài Tăng Đạt nói rằng: “Sinh tử dài lâu, không ái nào chẳng lia, tự thân còn như vậy, huống gì các thứ của cải, tài vật”. Ban đầu, Sư mới nghe qua, vui mừng mạnh mẽ chớm phát bên trong. Sư nghĩ sâu xa rằng: “Ta đời này tham nhiều, chí ưa chứa nhóm, vừa rồi nghe chánh pháp, thuyết ấy rất cùng cực. Hoặc mất, hoặc lia, tất yếu phải như thế. Chẳng bằng nhận đấm tất cả vật báu giữa sông sâu để xuất gia, lia đấm trước, tự nhiên không nhiều nữa, như thế há chẳng vui ư?” Ngài liền nhận chìm cả thuyền xuống giữa sông sâu. Sư lại muốn cho chìm tiếp thuyền nữa. Mọi người đều cùng nhau ngăn cản, khuyên Sư nên lấy đó để tu tạo phước nghiệp. Sư bảo: “Đều là rồi rắm nhiều nữa, khổ nhọc cho chính mình và kẻ khác”. Và Sư liền nhận chìm luôn. Đi thẳng vào chùa Trúc Lâm ở núi Quán Khẩu xuất gia.

Ngày đầu tiên vừa xuống tóc, Sư đối trước chúng tăng phát lời thệ nguyện rằng: “Nếu chẳng đắc Đạo thì không bao giờ ra khỏi núi này”. Sư liền dứt bặt vết tích người đời, dựng lập am thất nơi hang núi quanh co. Đồng bạn học thiền cùng nhau lần lượt kéo đến. Mỗi lần Sư xem kinh, mới đầu mở thấy như Phật ở chỗ ấy, không lúc nào chẳng nghẹn ngào tự nghĩ “cớ sao ta chẳng được gặp mà chỉ thấy di văn!”. Mà Sư vượt trội khác thường so với đồng bạn. Sư nướng nấu nơi hoang vắng với các cầm thú. Hoặc có người đến hỏi phương thức học, ngài đều đối đáp khéo léo, thâm hợp với khuôn phép chánh. Từ đầu, Sư nhập Định, mỗi lần ngồi đều lấy khoảng thời gian bốn – năm ngày làm hạn thường. Chỉ có lúc khách đến cửa, Sư ngẫm nhiên tự nhận biết, đứng dậy tiếp đón nói năng. Nếu không có người đến, thì Sư ngồi thẳng nơi tĩnh thất vắng lặng như hư không, có lúc Sư biết trước ngày mai có khách đến, hoặc đến cả trăm ngàn vị thấy đều như lời Sư nói, không hề có sự dư thiếu.

Đầu thời Nam Lương, Thỉ Hưng Vương Đạm vén màn Tam Thục, kính thờ Sư theo lễ thầy trò mà, cùng dẫn đến nơi Thư Khúc thuộc Thiểm phục. Niên hiệu Thiên giám thứ mười sáu (517) thời Nam Lương, Sư đến núi Thanh Khê, có chí hướng muốn ở trọn đời ở đó. Bấy giờ, Đạo

Quán cao thoáng, cân hạc lẫn lộn đông nhiều, thường cùng chê trách rất cậy, làm tâm lo lắng. Sư bèn an nhiên không hề để ý. Một đêm nọ, bỗng nhiên Đạo Sĩ trông thấy ở sườn núi phía Đông có lửa bốc cháy, sợ lửa đồng đốt hại Sư nên mỗi người đều mang bình nước đến cứu giúp, nhưng đến nơi, thấy Sư ngồi ngay ngắn, lửa lớn đang cháy mạnh, đều cùng nhau khen ngợi là “Hỏa Quang thần Đức”. Đạo Sĩ Lý Học Tổ, v.v... xả thí ruộng vườn tạo lập tôn tượng, chùa tháp thành tựu, xa gần đều quy hướng kính tin, mười nhà có hết chín. Châu thứ Sử là Bà Dương Vương Khôi đích thân đến kính lễ thọ pháp.

Đến cuối niên hiệu Thiên giám (520) thời Nam Lương, Thỉ Hưng Vương thâm cảm, nên đến chùa Lương Thái tạo tôn tượng Tứ Thiên Vương, vào sáu ngày trai thường thiết lễ thanh tịnh cúng dường. Sau đó, Sư đến dự trai hội, trên đánh đầu tôn tượng Tứ Thiên Vương phát ra ánh sáng năm màu, lò hương Sư bùng tự nhiên khói tỏa. Thái úy Lục Pháp Hòa khi trước vào những ngày vi tàn có mấy lần đến núi cúng dường Sư và làm cấp sử. Trong chúng tăng có người quở trách. Sư bảo: “Đó là Tam Đài Quý Công, do duyên gì mà lại nhục mạ?” Bấy giờ không ai lường biết hậu quý. Lục Pháp Hòa quả nhiên bèn lên viên phục. Hoặc có những lúc Sư tật bệnh, thấy có đồng tử mặc áo lụa từ dòng nước Thanh Khê lấy ra một bát đầy thuốc nhiệm màu đến quỳ dâng Sư uống, không bao lâu liền khỏe mạnh. Sư ở tại núi suốt hai mươi tám năm, lại đến Tĩnh Lạc, hoằng hóa Đạo pháp.

Bấy giờ, gặp lúc nắng hạn tàn khốc, trăm họ đều cầu thỉnh Sư liền đến hang rồng, gõ gậy vào cửa mà bảo rằng: “Chúng sinh đang đau khổ, vì sao đăm mê ngủ như thế?” Sư nói vừa xong, liền có mây đen kéo khắp bốn phía, mưa lớn tràn đầy, muôn dân đều đội ân đơm nhuần ấy, cùng nhau đến cầu nguyện, kính trọng như thiên thần. Nếu có cầu Xá-lợi, Sư liền vì cầu thỉnh, ứng niệm liền đến đúng như sự mong cầu.

Đến đời Tùy, Thục Vương Tú trấn thủ tại Mân Lạc có tấu trình lên Vua, sau đó Vua bảo Sư truy tìm thỉnh. Nhưng Sư không vâng mệnh. Bỗng nhiên vua đổi sắc mặt đích thân dẫn đầu Binh lính mang theo gậy trượng đến để bắt Sư. Nếu như cố ý không chịu thì có thể giết chết ngay. Sư nghe binh lính đến, đều không tỏ vẻ lo sợ, đòi lấy y Tăng-già-lê đắp mặc, sau đó ngồi thẳng niệm Phật. Vua vừa đi đến chân núi, bỗng nhiên mây mưa tuôn đổ, bão tuyết rơi xuống, nước tuôn vọt tràn khắp sông rạch, lấp phủ quân lính, chưa biết tính toán thế nào, sự tình đã quá quẩn bách, Vua bèn xa quy hướng sám lễ. Nhân đó, trời trong sáng trở lại, mưa gió ngừng dứt, đường núi mở thoáng. Vua và binh lính đến được

nơi chỗ Sư. Vua đích thân rất mực cung kính. Sư giảng Pháp cho nghe. Vua lại phát khởi tín tâm, bèn thỉnh Sư về Thành Đô trụ chùa Tĩnh Chúng. Vua rất kính ngưỡng, cúng dường lễ hậu, cả thành quách mọi người đều cung kính gọi Sư là “Tiên-xà-lê”. Vào niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Sư về lại chùa núi. Đường đi tự nhiên sạch sẽ, bởi có thần núi quét dọn trước. Một đêm, có vị khách tăng đến nghỉ ở trong phòng, Sư đến kéo vị ấy ra, liền đó, căn phòng sụp đổ.

Đến lúc ngoài trăm tuổi, Sư ngồi thẳng mà thị tịch, sau đó an táng tại núi đó. Ở Ích Châu còn có một cảnh Bạch Điệp đến nay vẫn hiện còn, mọi người gọi đó là “Thánh Nhân Tiên Xà-lê”.

23- Truyện ngài Thích Tuệ Phong trụ chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn:

Thích Tuệ Phong, không rõ Sư là người xứ nào. Sư trụ chùa Thê Hà, nghe học Tam luận với ngài Thuyên Công, bèn tỏ ngộ sâu xa diệu chỉ đó, rất lấy làm đắc ý, tiếng tăm vang tỏa khắp xa, mọi người đều suy tôn. Thuyên Công có nói rằng: “Sức lực tư duy thấu hiểu của Tuệ Phong, tôi đây không thể sánh bằng. Vì tôi tuổi tác già suy, nên đến cùng nương tựa đó”. Sư đặt tâm nơi Chánh Lý, thân làm khuôn phép luật nghi, nhiếp lĩnh ở chốn tông Lâm, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, mặc y phục thô xấu, lược không chứa để may mắn, nhìn dáng bước khoan thai rất có phong thái. Sư không hề đến Giang Đô, chỉ giảng dạy Luật Thập tụng, khen ngợi dẫn dụ tu trước, người đến nghe học rất đông, có người hỏi rằng: “Nay học Đại Thừa, vì sao lại giảng luật?” Sư bảo: “Đó là sự thấu đạt tận cùng, ông chẳng thể biết được. há học Chánh Pháp mà Đại tiểu chống trái nhau ư?”

Vào niên hiệu Thiên gia (560-566) đời Trần, Sư thị tịch, thọ sáu mươi tuổi. Lúc sắp tịch, Sư bảo đệ tử là Sa-môn Trí Côn rằng: “Tôi đi đến chỗ xa xôi, nơi các ông không biết được!”. Sau khi Sư tịch, có một ngón tay co quắp lại, tuy kéo thẳng ra nhưng lại co trở lại, bấy giờ mọi người bàn với nhau cho là Sư đã chứng đắc Sơ Quả.

24- Truyện ngài Thích Tuệ Nham trụ chùa Trùng Huyền ở Tô Châu:

Thích Tuệ Nham trụ chùa Trùng Huyền ở Tô Châu, tướng trạng Sư như si cuồng, chẳng tu giới luật. Người đương thời chẳng hề đếm xỉa. Sư thường ngồi trong phòng, chẳng động mọi vật bàn nghị. Bỗng nhiên

riêng một mình Sư vui vẻ nói cười đùa bỡn, vào chùa nắm vật chỉ chỗ, bảo rằng: “Chỗ này làm chánh điện, chỗ ấy làm phòng nhà, cho đến hàng hiên, lang vũ, nhà trù, nhà kho, không thứ gì chẳng đầy đủ. Sau đó hơn một tháng, nhân Sư bảo chúng tăng rằng: “Muốn biết được Tuệ Nham tôi, thì khi linh trên tháp rơi xuống, tôi sẽ qua đời”. Đến lúc quả nhiên như thế, Sư trở về khóa cửa phòng, đập phá cửa mở thì thấy Sư ngồi thẳng mà thị tịch. Xa gần nghe thế đua nhau kéo đến đông đầy, mỗi người tự xả thí vàng lụa cúng dường, thành một đồng lớn. Mới y theo lời Sư nói trước kia xây dựng thành ngôi chùa nổi tiếng. Mọi việc thấy đều phù hợp. Từ lúc Sư thị tịch đến nay đã hơn bốn mươi năm, mà vẫn như thể còn sống, hiện tôn trí tại Phật đường, để mọi người chiêm lễ, bái yết.

25- Truyện ngài Thích Pháp An trụ Đạo tràng Bảo Dương ở Đông Đô.

Thích Pháp An, họ Bành, người ở xứ Thuần Cô thuộc An Định. Sư xuất gia từ thuở thiếu thời tại tinh xá Cửu Lũng ở núi Thái Bạch, kính mến Thiền pháp làm chính nghiệp, ăn uống sơ sài, mặc áo thô xấu đến tận tuổi già.

Vào niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Sư đến Giang Đô, bảo thông Tấn Vương. Bấy giờ, vì hình dáng Sư thấp xấu, nói cười khinh xuất, nên chẳng lấy làm thông. Một hôm, Sư đến trước cửa, mọi người xua đuổi mà chẳng đi, thử lấy làm Thông. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) nghe thế, bèn mời vào cung diện kiến, y như đã quen biết xưa cũ. Nhân đó, Sư trụ ở chùa Tuệ Nhật. Những nơi nào Vua đến, thì cùng có ngài đi theo. Lúc xa giá Vua đến Thái Sơn, bấy giờ gặp lúc khát nước thiếu thốn, nhìn khắp bốn phía toàn là đá núi không do đâu có được nước. Sư dùng dao đâm vào đá thì có nước tuôn ra, lấy đó dâng cho Vua. Khi ấy, Vua vui mừng khen ngợi, hỏi Sư: “Bởi năng lực nào vậy?” Sư đáp: “Sức lực của Vua”. Sư bèn theo Vua vào bãi sa mạc, đến biển bùn sinh, trong đó nếu có gặp biển cố, thì Sư đều dự biết mà lánh, nên không bị tổn hại thất bại gì. Sau, lại đến Thái Sơn, Chư tăng chùa Thân Thông đến mời Đàn Việt. Sư thấu đạt việc đó, Vua bèn viết tay trên vách chùa để mở mang hộ trì. Mới đầu, cùng Vua vào hang, Sư thấy một vị tăng thân mặc áo xấu, cưỡi con Lừa trắng đi đến, Vua hỏi: “Đó là ai?” Sư đáp: “Đó là Lăng Công. Tức mới lần đầu tiên đến chùa Thân Thông nên đến đón rước dẫn đường”. Đến lúc vào tới trong chùa, lại thấy một vị thần tướng trạng cao lớn hùng vĩ đứng trên giáng đường, tay tựa vào miệng chim si nhìn xuống đại chúng. Vua lại hỏi, Sư đáp: “Đó là Thần

núi Thái Bạch, là người theo vua.” Từ đó về sau, có nhiều việc kỳ đặc, ở đây không chép rộng!”

Đến đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, Vua Dương Đế (Dương Quảng) càng rất mực kính trọng Sư. Các hàng oai vệ Vương Công hễ trông thấy Sư thì đều quỳ gối kính chào. Thường Thị Tam Vệ kính thờ Sư như thần. Sư lại đến các danh sơn thỉnh các vị ẩn dật như các ngài Quách Trí, Biện Thích, Chí Công, Trạng Công, Bôi Độ, v.v... đồng một lúc cùng đến trụ chùa Tuệ Nhật, các hàng Đạo nghệ có hơn hai ngàn vị, cung cấp bốn thứ cần dùng vốn do từ Sư mà lập. Vua lại vì xây dựng lập Đạo tràng Bảo Dương ở Đông Đô, chỉ một chúng của Sư ở trong đó dựng lập đạo nghiệp.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười một (615) đời Tùy, Sư tấu trình rằng: “bốn phương nhiều nạn!”. Sư không bệnh tật gì mà thị tịch tại chùa đang ở, thọ chín mươi tám tuổi. Trước lúc sắp tịch, Sư thưa với Vua về Hậu sự rằng: “Sau khi Pháp An tôi qua đời khoảng một trăm ngày sẽ có lửa cháy ở nội cung, Vua càng phải thận trọng”. Đến tiết Hàn Thực, dầu vọt lên thiêu đốt, đang đêm cửa đóng nên cung nhân cả ba viện cùng một lúc bị giết bởi lửa thiêu. Khi đó, Vua Dương Đế chẳng lấy làm lạ, tiễn đưa kim quan Sư đến an táng ở núi Thái Bạch, mọi chi phí cúng dâng đều do Quan cung cấp.

Sư vốn có đức hạnh trầm lắng bên trong, ở ngoài đồng như người tục, chỉ có lúc ngủ, Sư không kê gối, cổ không co cong, chỉ nghiêng cổ tựa bên mép giường, miệng chảy nước dãi thường có cả thặng. Đó mới là lạ.

Bấy giờ, lại có Sa-môn Thích Pháp Tế là vị Tăng thấu suốt nhận biết khác lạ. Sư phát xuất dấu vết từ thời nhà Trần cho đến cả 2 đời Vua (Văn Đế, Dương Đế) đời Tùy. Sư đều nghỉ qua đêm trong cung cấm. Tuy cùng sống lẫn lộn với các hàng phi hậu, nhưng Sư tinh tấn ít dục thật ít người đạt được như thế. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy, lúc còn ở Trường An vì Sư mà xây dựng chùa Hương Đài. Sau, Sư đến trụ ở Đông Đô, lại xây dựng Đạo tràng Long Thiên. Vua cấp cho Sư một con ngựa trắng, Sư thường cưỡi trong cung. Nếu có ai bị bệnh hoạn gì, Sư chú nguyện vào nước rồi cho uống, không bệnh gì chẳng lành. Sư lại thấy được Quỷ vật, thấy trước những điều chưa xảy ra.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ tư (608) đời Tùy, bỗng nhiên Sư giã biệt Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) rằng: “Thiên mạng chẳng thường, lại phải đến đời sau, cúi mong che chở, gánh vác chúng sinh!”. Liền đó, Sư bèn ngồi mà thị tịch. Cạo tóc sắp tấn liệm, bỗng chốc tóc

mọc ra dài cả nửa tấc. Vua bảo: “Thiền sư diệt Định, đâu được cạo tóc như thế”. Và bảo mang chuông lớn đến đánh. Sau hơn một tháng, Sư không xuất định, thân tướng Sư vẫn như lúc còn sống. Vua bèn bãi triều, trăm quan đồng mặc sắc phục màu trắng. Vua ban sắc tiến đưa đến Tương Châu. Lại lực do Quan cung cấp, đi đến đâu thì thiết trai tại đó. Mọi vật đều lưu xuất tại đó, mỗi ngày cúng dường trai hội cả trăm vị tăng, suốt đến bốn mươi chín ngày. Mỗi người riêng một ngày cúng dường hai mươi lăm xấp, tính gồm tất cả có hơn mười vạn xấp. Đó đều là phước lực của Sư, nên mọi người đều dốc bố thí báu trong nhà.

26- Truyện ngài Thích Tuệ Khả trụ chùa Đại Quy Thiện ở Tương Châu.

Thích Tuệ Khả, họ Dương, người ở xứ Diển Hà thuộc Tấn Lăng. Từ thuở thiếu thời, Sư thọ học với Sa-môn Xà-lê Hòa.

Xà-lê Hoà là người Linh Thông u hiển. Người đời chẳng ai lường biết được tâm Sư cạn sâu thế nào, nhưng Sư cung kính tôn tượng, kính thờ đồng như Phật thật, mỗi lúc thấy tôn tượng đứng thì Sư không dám ngồi ở trước, khuyên người tạo tượng chỉ nên tạo Tượng ngồi. Đi giữa đường nếu gặp các duyên sự nguy ách, Sư đều cứu giúp. Hoặc thấy heo bị trói buộc, Sư liền bảo: “Giải thoát thủ Lăng Nghiêm”. Heo liền được mở trói, chủ nhân đó mà thả. Từ đó, Sư chỉ lấy sự từ bi cứu giúp làm chánh nghiệp. Mỗi lúc đại chúng nhóm họp một nơi, Sư liền nói pháp cho nghe, và đều tùy việc mà khen ngợi dẫn dụ, tức ngay sự vật thành việc chuyên. Đại chúng không ai chẳng tỏ ngộ mà quy hướng về với Chánh đạo, sau cùng, Sư đến Nghiệp Hạ, mở mang Chánh Pháp. Đồ chúng quy hướng mãi đến nay vẫn lưu truyền ngậm vịnh. Sư thị tịch tại Nghiệp Đô. Có người hỏi về quả vị chứng đắc của Sư, Sư bảo: “Đạt được gốc lành thành thực.”

Sư kính thờ sức thần hóa của Xà-lê Hoà được mấy năm. Đại chúng biết Sư có năng lực linh dị, ban đầu chưa được rộng lớn, sau, đến Lãnh Nam, Sư quy tâm thọ học với Sa-môn Chân Đế. Nhân đó, Sư được truyền trao pháp Thiền. Sư tinh chuyên thực hành, không bao lâu, đã có sự tỏ ngộ sâu xa. Sau cùng, Sư đến trụ chùa Thê Hà, an chí rỗng lặng, qua lại tự tại, không bị bó buộc bởi núi đồi. Bấy giờ, Sư đến Dương Đô, chỗ Pháp sư Ti. Pháp sư Ti vốn biết đạo hạnh của Sư nên lấy lễ đặc biệt để tiếp đón. Lúc Sư sắp về lại chùa núi, Pháp sư Ti thỉnh Sư ứng hiện thần lực. Sư bảo: “Đâu có gì khó”. Liền từ trong cửa sổ đưa cánh tay ra dài mấy mươi trượng mở ngang sáng ngời cả chùa lên đến trên tám biển

điện Phật, rồi trở lại trong phòng, Sư bảo với Pháp sư Ti rằng: “Người đời không nhận biết được sâu xa, thấy vậy bèn sinh tâm kinh dị. Vì vậy nên tôi không làm”.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ nhất (605) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Đại Quy Thiện ở Tương Châu, thọ tám mươi hai tuổi. Ngày thị tịch, Sư đem ba y xiêm từ xa kéo đến trong giảng đường, tự nói: “Ba y hoàn trả lại chúng tăng. Nay tôi chết đi!” Bèn trở về phòng. Đại chúng kinh sợ đến tìm, chỉ thấy xương trắng đầy đủ hình tướng ngồi kiết già trên giường, cùng nhau xúm lại lay động nghe tiếng leng keng mà chẳng tan.

27- Truyện ngài Thích Chuyển Minh trụ chùa Hóa Độ ở Kinh đô:

Thích Chuyển Minh, họ Lộc, không rõ Sư là người xứ nào. Sư mặc Tăng Nghi, diện mạo chẳng to lớn, dung chỉ ngài trầm lắng, không tỏ vẻ mừng giận.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ tám (612) đời Tùy, tự nhiên Sư đến trụ Lạc Ấp, bảo là có giặc dấy loạn. Đến lúc xem xét, tất cả không dấu vết gì, Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) bấy giờ cho là Sư mê hoặc quần chúng, nhưng chưa thể gia tội, tạm bảo bắt giam. Mới đầu chẳng ai lường biết tại sao vậy, qua đến tháng sáu năm sau (613) quả nhiên gặp phải Kiêu Cấm phản nghịch, đui bức hung ác sung vào dò xét Đông Đô, giết hại rất nhiều. Vua mới gượng tin lời Sư nói có chứng cứ, bèn ban sắc thả ra. Tuy bị ràng buộc hay được thả, tâm tình Sư vẫn như thường, nói bàn với mọi người, không gì chẳng đề cập đến. Gặp lúc Vua đến Giang Đô, đi đến Yển Sư, bấy giờ trong ngục có đến năm mươi tử tù đã định thời gian hành quyết. Sư nghĩ ngày mai ta phải thả những người bị tội chết này”. Liền đến chỗ ngục, giả làm người thăm nuôi, gặp gỡ các người tù mà bảo rằng: “Ngày mai xe giá nhà Vua sẽ đi ngang qua đây, các người đồng một lúc phải hô lớn “Có giặc đến”. Nếu có ai hỏi về nguyên do thì nói là tôi bảo như vậy thì sẽ thoát khỏi tội chết”. Đến lúc Vua đi ngang qua, các người tù bèn thực hành như lời Sư bảo. Vua liền ban sắc thả tất cả các người tù, bắt Sư vào giam cầm. Sư cười lớn mà chấp nhận, không hề tỏ vẻ lo sợ. Lúc bấy giờ khắp bốn phương đều gặp phải nạn đói kém trầm trọng, dân chúng không nơi nương tựa để sống, thật đúng như lời Sư nói.

Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, Sư vẫn còn bị giam cầm. Khi Việt Vương lên ngôi, Sư mới được thả. Tuy qua lại tự do,

mà Sư thường ở trong cửa Càn Dương, nơi phòng viện riêng cung cấp, nhưng sợ Sư ngấm vượt ngục nên thắm sai ba người gìn giữ, riêng canh giữ Sư. Đến lúc quân quốc của Hoàng Thái Kiến Nghị mưu bàn, Sư thường dự cùng nơi màn trướng, trừ tính lợi hại. Ngụy Trịnh Thế Sung càng gấp bội kính tin nên gìn giữ nghiêm mật lại kiêm thường độ. Đến niên hiệu Khai Minh thứ hai, tức niên hiệu Võ Đức thứ ba (620) thời Tiền Đường, Sư từ Lạc Cung an nhiên mà ra, chung quanh vây bọc đến năm lớp mà ban đầu không thấy dấu vết. Xét tướng của Ngụy Đô bị thất bại. Sư đi về hướng Tây, đến Kinh đô. Thái Võ Hoàng Đế (tức Vua Cao Tổ-Lý Uyên) sớm kính thờ âm văn, rất tin Thần Dị, thiết bày lễ lớn kính trọng Sư, ban sắc mời Sư trụ chùa Hoá Độ. Có mấy lần thỉnh Sư vào trong cung cấm. Sư trình bày đầy đủ những điều ứng, về sau mọi việc đều khế hợp.

Đến tháng tám năm đó (620) bỗng nhiên không thấy Sư đâu cả. Y phục mọi vật vẫn còn nguyên trong phòng. Sau đó, Vua ban sắc đi tìm, hỏi thăm khắp cả nước nhưng không được. Tìm Sư trên bước đường hành Đạo thắm trải qua điếm lạnh. Như có người hỏi về sở học, Sư thường dùng một Pháp Bình Đẳng chuyên chí phụng trì. Nhìn lại, Sư trải qua bốn triều đại, với các hạng sang hèn đều là thông thuộc, vì Đạo

Sư suốt cùng u cực, nên đều đến sang thọ học. Mà tâm tình Sư bất kể là tươi hay héo, đều thật vắng theo bình đẳng. Nếu người nói năng quỷ quyết chẳng thường hòa vận thì Sư bảo: “Pháp sư ấy từ trong loài dê mà sinh ra”. Sư dự ghi nêu bày mọi sự chẳng phải một. Đến chùa Tổng trì, nhìn chúng tăng ở đó, Sư bảo: “Không bao lâu nữa, nơi đây sẽ gặp nạn đổ máu, nên phải cùng nhau thận trọng”. Bấy giờ, mọi người cho đó là lạ, cùng nhau xem thường. Đến lúc gặp phải những sự việc như Pháp Cai, v.v... tìm khắp đô thị bị giết chết tại Đô thị, mới hối hận lỗi trước.

Vào cuối đời Tùy, có Bào Tử Minh, không rõ là người xứ nào. Khi ấy, Vua Dương Đế xa thỉnh những bậc danh tăng tài nghệ. Nhưng Sư thắm đượm mặt trời trí tuệ, thường đến các chùa viện chẳng ở phòng nhà, hễ đêm đến thì dừng nghỉ không nơi cố định. Đã nhận lời Quan thỉnh cúng dường nhưng Sư không hề đến dự. Chẳng đắp mặc ba pháp y, chỉ mặc áo tràng, hoặc có lúc kinh hải kê réo chạy quàng, nói năng không chuẩn định. Niên hiệu Đại Nghiệp thứ chín (613) đời Tùy, Sư dùng áo dài bịt trán, xương bảo: “Giặc giặc” mà chạy, người đương thời cho đó là hiện điềm. Đến lúc Kiêu Cảm dấy khởi phản nghịch, các quân lính đều quán truan ở cổ, bịt trán tướng trạng như Sư, đều vây quanh Đông Đô. Vời hỏi Sư về mọi sự thông bát, Sư liền mắng nhiếc rằng:

“Giặc hại thiên hạ, làm gì có nước nhà ư?” Khi đó, Vua đang ở tại quận Trác, nghe thế rất vui mừng, vội đến mà nhọc đuổi trừ. Sư lại dùng sọt đựng đầy đất, đang lúc gió thổi mà phủ sau. Bọn Kiêu Cảm nghịch đảng đều bị chém giết ở ngoài cửa Trường Hạ, mỗi ngày riêng có đến mấy ngàn xe cùng ứng khắp. Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười (614) đời Tùy, vô cố mà Sư qua đời tại Lạc ấp.

28- Truyện ngài Thích Giả Dật ở An Châu:

Thích Giả Dật, không biết Sư là người xứ nào. Khoảng đầu niên hiệu Nhân Thọ (601) đời Tùy, Sư đến ở đất An Lạc. Sư nói cười úp mở chẳng vượt quá phù sấm. Sư vận mặc luôn biến đổi, lúc đen lúc trắng. Sau, có một thời gian ngài phân thân đến các huyện, đến lúc suy nghiệm, mọi người mới kính trọng đức hạnh của Sư. Hành tích chẳng trải qua mà vì không biết nên xấu hổ.

Có Sa-môn Tuệ Hạo ở chùa Phương Đăng, là người học hành sâu rộng, Sư nhân có việc nên đến đó, đem năm mươi giấy tặng cho và bảo: “Pháp sư nhờ đây mà được giải mở”. Mới đầu, ngài Tuệ Hạo không biết việc ấy là gì, sau có sự tranh luận khởi lên, ngài Tuệ Hạo bị dẫn vào cung cấm, Quan Ti trách hỏi, ngài dẫn biện mà đáp, giấy vừa hết thì sự việc được xong, đúng như điều Sư nói. Nên điều tương ứng Sư nêu đại loại đều như thế.

Sau đó, Sư đến một nhà nọ, bảo rằng: “Nhà ông có một cô gái sắp đi lấy chồng”. Nhân đó vào chợ, Sư xưng lệnh xong, bảo rằng: “Nhà kia gả vợ cho ta, cần có được lễ tặng, đòi nhiều tiền gạo, định ngày thành tựu”. Mấy lần, Sư đến cửa nhà người lớn tiếng trình bày. Nhà có cô gái lấy làm xấu hổ, bèn âm thầm giết chết cô gái chôn vùi dưới hầm phần. Qua ba ngày sau, Sư đi đến trong chợ, gặp người, bèn nói cho người nghe sự việc bị giết hại.

Khoảng niên hiệu Đại Nghiệp thứ năm (609) đời Tùy, trong nước đang thanh bình an thái, Sư cùng bọn trẻ nhỏ vui đùa bên bờ sông, hoặc cưỡi trên cầu ván, múa tay mà bảo rằng: “Bỏ đầu Dê, quay đầu Dê”. Mọi người thấy vậy chê cười mọi hành động của Sư. Đến lúc tại Giang Đô bị họa loạn, mọi việc đều hợp với lời nói trước của Sư. Không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

Bấy giờ, tại Thục Quận lại có Sa-môn Dương Hựu như người rô đại ở xứ Mân Lạc. Có những vị già cả bảo là: “Từ lúc đầu trông thấy Sư cho đến nay dung mạo vẫn như xưa không thay đổi, tuổi khoảng chừng bốn mươi”. Sư mặc áo sam màu vàng cũ, ăn uống đồng như người thế

tục, không nơi ở cố định. Mỗi lúc có nhóm họp lớn, thì ngài đều tham dự trước. Sư nói cười ứng biến, bàn luận không thương tổn vật. Sư dự ghi những ứng nghiệm về tương lai, người đương thời đều cùng khen ngợi. Mãi đến đầu thời Tiền Đường, vẫn còn thấy Sư ở xứ đó, nhưng về sau, không biết Sư ở đâu!

29- Truyện ngài Thích Pháp Thuận trụ chùa Nghĩa Thiện:

Thích Pháp Thuận, họ Đỗ, người ở xứ Vạn Niên thuộc Ung Châu. Bẩm tánh Sư nhu hòa, không hề nghĩ duyên men theo việc ác. Sư già từ cha mẹ làm lính ở phương xa, không sợ gian nan khó khổ. Năm mười tám tuổi Sư bỏ tục xuất gia, kính thờ Thiền sư Tăng Trân ở chùa Nhân Thánh, thọ trì Định Nghiệp.

Ngài Tăng Trân họ Ngụy. Chí luôn giữ kiệm ước, sống nơi đồng nội quen dần thành tánh. Ở phía Đông Kinh thất có gò đất tên là Mã Đầu, bờ không sâu lắm, có thể làm hang Linh. Ngài Tăng Trân bèn bắt đầu xây dựng nền tảng ở đó, khuyên người thế tục sửa sang. Sư ngồi thẳng chỉ huy, nêu bày phép tắc, bỗng nhiên cảm có một con chó không biết từ đâu đến, chân trắng mình vàng tự nhiên thuần quen, đi thẳng vào trong hang, miệng ngậm đất ra, qua lại chỉ trong chốc lát, làm việc nặng nhọc mà không mỏi mệt, ăn thì đồng như chur tăng, qua khỏi bữa trưa thì không ăn. Đã có sự kỳ lạ ấy, nên mọi người ở khắp bốn phương xa đều ảnh hưởng quy hướng. Bèn đem sự việc ấy tấu trình. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy rất kính trọng, mỗi ngày ban tặng ba thăng gạo để chu cấp theo hạn định thường xuyên. Đến lúc khám hang hoàn thành thì tự nhiên vô cớ con chó ấy chết. Nay gọi đó là chùa Nhân Thánh.

Bấy giờ, Sư đích thân trông thấy việc ấy, càng gấp bội quy y, gắng sức giúp đỡ cùng tạo dựng, tùy tiện thưa hỏi. Sau, Sư hành Đạo hoàng hóa ở Khánh Châu. Khuyên dân chúng thiết hội cúng dường, mới đầu chỉ hạn định năm trăm vị, nhưng tới lúc thọ trai thì gấp bội người đến, nên người chủ cúng dường lo sợ. Sư bảo: “ Không có gì phải lo sợ, cứ việc cung cấp khắp cùng mà đừng sợ số người dự cúng dường, do đó đến cả ngàn vị cũng đều đủ cả”. Từng có Trương Hà Giang và Trương Hoàng Sướng ở nhà chăn nuôi trâu ngựa, tánh tình vốn xấu ác, mọi người đều sợ. Bán không người mua. Sư bèn vì chỉ bày nói năng từ thiện, như có người nghe theo. Từ đó về sau không còn xúc chạm nữa. Sư dẫn dụ khai hóa các hàng dị loại, đại khái đều như vậy.

Sư thường dẫn chúng tăng đến Ly Sơn, trong mùa hạ nường ở nơi

vắng lặng. Đất ở đó có nhiều trùng kiến, nên không trồng rau được. Sư sợ có sự tổn hại, nên đến chỗ đất mà chỉ bày, bảo các loài trùng kiến dời đi ở nơi khác, sau đó không lâu đến xem thì như có phạm vi không còn có trùng kiến. Bấy giờ, Sư bị bệnh ung nhọt, máu mủ tanh hôi rỉ ra ngoài, có người kính trọng Sư nên mút lấy, có người dùng bông mới để lau chùi. Sau đó liền lành hẳn, các thứ máu mủ tanh hôi tỏa ra mùi thơm lạ, khó thể sánh ví. Các tấm bông lau chùi ấy cũng còn có mùi thơm không ngớt.

Tại huyện Tam Nguyên có Điền Tát-đỏa từ lúc mới sinh đến nay tai bị điếc, lại có Trương Tô cũng bị câm từ thuở mới sinh. Sư nghe bèn đến cùng bàn luận, liền được như ngày thường, liền khỏi hẳn. tại huyện võ công có vị tăng bị rỗng độc quá nhiều. Chúng tăng dẫn đến chỗ Sư. Sư bèn khoanh tay ngay ngắn ngồi đối diện. Rỗng gá vào vị tăng mắc bệnh nói rằng: “Thiền sư đã đến, nghĩa là không còn được ở lâu”. Rất nhọc quá nhiều, sau đó liền được mở giải. Do đó mọi người ở khắp xa gần mắc phải các chứng bệnh chương độc dịch lệ, dâm tà não loạn ở đâu cũng dẫn đến chỗ Sư. Sư chẳng làm những thuật gì khác lạ, chỉ ngồi đối đáp. Nên những hàng thức giả cho đó là có điều cảm của âm Đức, nên u hiển riêng kính đến cùng, những điều Sư thiết bày nói dạy, phần nhiều không dùng lời suông vô bổ mà nêu chánh lý. Cây thần miếu quỷ đều bị đốt phá. Mọi việc thầy Đồng cúng vái, đích thân Sư thâu nhật. Thường thấy điềm lành, không hề ngăn ngại, Sư kính thờ Chánh giáo, đại loại như thế. Sư dốc tánh miên mật, tình gồm trầm ái. Các hàng đạo tục sang hèn thấy đều kính thờ, mà Sư chỉ một lời, cõi lòng chẳng hai. hoặc lại có người bị bệnh nặng khó chữa trị, nguyện sâu chưa thành đạt, Sư đều tùy thời chỉ bày, và đều được toại như tâm ý. Bấy giờ, có người ngợi khen, có người hủy hoại, nghe đến nơi tai, dường như không biết, cho là lời khác.

Nhân đi đến Nam Dã, sắp vượt qua Hoàng Cự, nước ở đó bị ngập nước, cố gắng vượt qua, bờ đã cao hẳn dù có lên được cũng lại rơi xuống, bỗng nhiên dòng nước ngừng chảy bèn tùy theo đất mà qua. Đến lúc Sư đã lên lên bờ, thì nước tuôn lại như cũ. Môn nhân đệ tử Sư đưa mắt nhìn mà chẳng lường biết vì sao như vậy. Do cảm thông cả u hiển nên tiếng tăm vang khắp từ triều đình đến thôn dã. Có nhiều những kẻ bỉ phu tham lợi tài thực đó. Lời nói của Sư không dính mắc thế tục, hoàn toàn không lưu tâm. Tùy có sự nhậm dụng mà tình chí rộng xa, Sư chỉ mặc áo thô xấu, không có gì phụ thêm. Tuy nghe có lời xì xầm nhưng Sư chỉ cười lớn, không hề đua tranh với chúng sinh. Sư có những việc

đại lại như thế thế.

Vua Thái Tông (Lý Thế Dân 627-650) thời Tiền Đường kính phụng đức hạnh Sư, khâm ngưỡng sức thần của Sư nên dẫn vào nội cung, ban lễ cúng dường sùng kính. Các hàng Trữ Hậu, Vương Tộc, đều cung kính như trọng thần, đều theo giới luật, không trái với quy cấm.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường, tự nhiên không tật bệnh, Sư răn dạy môn nhân đệ tử, pháp từ thuở bình sinh đến nay Sư thực hành phải nên tiếp nhận hành trì. Nói xong, Sư bèn thị tịch như thường ngồi thiền tại chùa Nghĩa Thiệu ở Nam Giao, thọ tám mươi tư tuổi. Khi Sư thị tịch có hai con chim bay đến phòng Sư buồn sọ kêu rất thảm thiết. Nhân đó tiền đưa Sư đến gò đất phía Bắc Phiền Xuyên, đào hang mà an táng. Khắp cả kinh ấp mọi người đồng khen ngợi, tang phục khắp cùng thôn dã. Nhục thân Sư không biến đổi sắc màu qua hơn một tháng lại càng đẹp tươi tắn, an tọa tam châu mà xương khô chẳng tan. Từ khi Sư thị tịch đến nay thường có mùi thơm lạ tỏa ra từ nhục thân Sư. Nên các bạn đồng học của Sư v.v... sợ có kẻ bên ngoài cướp đoạt bèn tôn trí cất giữ vào trong khám. Vào những ngày tốt, bốn chúng thường đến cúng dường đông đúc.

Sư có đệ tử là Sa-môn Trí Nghiêm là bậc nổi tiếng ở chùa Chí Tướng. Từ thuở nhỏ, ngài (Trí Nghiêm) phụng kính nhã nhận, vâng theo thừa độ, mà thần dụng trong sáng vang đến chốn Kinh đô., với các kinh luận như Hoa Nghiêm, luận Nhiếp Đại thừa về sau Sư thường giảng dạy, điều được Sư giáo hóa, dẫn dắt xóm làng, mảy trần ấy chẳng dứt.

30- Truyện ngài Thích Đạo Anh trụ chùa Phổ Tế ở Bồ Châu.

Thích Đạo Anh, họ Trần, người ở xứ Ý Thị thuộc Bồ Châu. Năm Sư mười tám tuổi, người chú của Sư là Luật sư Hưu dẫn dắt Sư xuất gia nhưng cha mẹ Sư vì thương con nên cưới vợ cho Sư. Suốt năm năm đồng chung giường mà thể nguyện trọn không hề xúc chạm Sư vốn buôn bán ở chợ, cùng chung của cải với người, Sư bèn bảo vợ cầm đuốc, Sư phân phán văn sớ, giao phó lưu luy rồi trốn đi xuống tốc, đến chỗ giảng tọa của Pháp sư Cự nghe học các Kinh Hoa Nghiêm, v.v... Sau khi học đã thành đạt, Sư về lại thôn ấp. Người vợ Sư vẫn còn.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, Sư mới được Đại độ, bèn suy nghĩ sâu xa rằng: “Pháp tướng có thể nhận biết, tâm mê hoặc phải hiểu rõ”. Bèn đến chùa Bách Thê ở núi Thái Hành, huyện giải, tu hành pháp Chỉ Quán, bỗng nhiên thấu hai thứ không là Nam Đỏa ngộ nhân, Bắc Lãnh ngộ pháp, soi chiếu sâu xa ngồi dưới tòa càn

cây sáng bốn phía, nay đây thấy hiện tại. Nhân đó Sư coi sóc việc chúng tăng, dùng sự để xét Tâm. Sau, Sư đến Kinh đô trụ chùa Thắng Quang, nương tựa Thiền sư Đàm Thiên, thọ học Nhiếp Luận. Ngài Đàm Thiên giảng ngộ mới mẻ nên đại chúng đông đảo có tới năm trăm vị, nhưng phần nhiều là gặt hái Danh giáo mà ít ai có thể đứng như lý. Riêng Sư lựa chọn hợp thời để thưa hỏi Nghĩa, chỉ nêu bày “Chỉ Quán”, không cùng tư duy các Trần, các thiết yếu bàn tiết, Sư hiểu sâu Đại Chỉ. Ngài Đàm Thiên rất mến quý Sư, bảo với môn nhân quyến thuộc rằng: “Các ông tuy khảo xét thông hiểu Văn nghĩa, mà không phân biệt tối sáng. Người thấu đạt được Diệu chỉ ấy, chỉ có Đạo Anh đây”. Từ đó, đối với nghi phục uống ăn, chưa từng chương cú, rất vì thời chăm chú làm người thấu đạt, những lúc rảnh rỗi nghe giảng, ngày thường y cứ theo Kinh Hoa Nghiêm mà phát nguyện cung cấp cúng dường chúng tăng. Nếu có người kính mến Đạo, theo việc Sư làm thì Sư nhân nơi sự mà trình bày lý, điều phục tâm hành, nương cây để hoằng pháp. Sư thường bảo: “Tôi nhắm mắt ngồi thiền cùng tìm lý tánh, nếu có chỗ thấu đạt thì đến sau khi mở mắt lại hợp như thường nhận biết. Nên đối với việc chuyên du quán sai khiến Tâm, có nhiều huân tập”. Nhưng Sư thường ngồi mở mắt như thức, động vượt qua mấy đêm, mới đầu không chóng máy động. Sau Sư nhập vào thiền định hơi lộ bày vết tích khác lạ.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ chín (613) đời Tùy, Sư từng đảm nhận việc trị tuế, tranh đất với người thế tục, đấu tranh không dứt. Bên nói với người kia rằng: “Tôi chết đây!”. Bỗng nhiên Sư té ngã cứng đờ như chết. Các người thế tục bàn với nhau rằng: “Đạo nhân có lắm sự đối trá, hãy lấy kim châm vào áo giáp”. Tuy kim châm vào sâu nhưng Sư vẫn không lay động, hơi thở ngưng dứt, mầu da biến đổi, sắp muốn sinh trưởng lên. Bên cạnh đó có người hiểu biết bảo những người thế tục thấy đều nên quy mạng, thề không dám tranh giành nữa, cầu mong Sư sống trở lại, Sư liền ngồi dậy nói cười như thường.

Sư lại đi đến bên cạnh ao Long Đài, thấy cá bơi lội. Sư bèn bảo rằng: “Ta và người cùng đua xem ai là kẻ thắng, người chẳng thể bằng hay ta chẳng bằng người ư?” Sư liền cởi áo nhảy xuống nước. Đệ tử giữ áo Sư đứng đợi. Trải qua sáu đêm Sư mới ngoi lên khỏi mặt nước, bảo rằng: “Dù ở dưới nước nhưng còn tệ hơn ở dưới đất”. Lại gặp lúc giá lạnh, nước băng đóng dày tương trạng như tuyết, Sư bèn bảo: “Ở chỗ bằng phẳng sạch sẽ như vậy, vì sao được không ngủ?” Ngài bèn cởi áo nằm giữa trải qua ba đêm mới thức dậy, bảo rằng: “Vừa mới bị lửa đốt giết hại ta”. Cứ như thế, Sư tùy việc mà dùng pháp đối trị, túng nhậm

tự tại thật khó gặp.

Về sau, Sư trở lại Bồ Châu, trụ chùa Phổ Tế, lập ra ba khu vườn. Ruộng lúa thóc mè đều ở tại chỗ sâu ẩn nơi Đông Sơn thuộc huyện Hạ. Chẳng tranh giành với người thế tục, dùng tiếp gởi xa. Nên khiến tám phương bốn bộ, người quy tụ về như rừng. Ban ngày thì Sư dẫn dắt làm việc chúng tăng, đích thân lo việc mang vác chuyển vận, gặp những duyên cố khó khăn hiểm trở, thì Sư xông vào trước. Đêm đến thì ngồi kiết già giảng nói Pháp Thiền Quán cho chúng nghe, bấy giờ nếu có người mệt nhọc thì nghe pháp không biết mệt nhọc. Một hôm, Sư Luận Khởi Tín đến phần “Chân Thật Môn” tự nhiên Sư nín lặng không nói. Mọi người lấy làm lạ bèn đến xem xét, thấy Sư đã tắt thở, thân lạnh. Đại chúng biết Sư diệt tướng nên mặc tình để vậy. Trải qua nhiều đêm, Sư mới xuất định.

Bấy giờ ở Hà Đông có Sa-môn Đạo Tốn là bậc danh tăng nổi tiếng ở đời, tu tập tâm đạo, vốn là bạn đồng học của Sư. Ban đầu Sư ở tại huyện Giải, thống lãnh đồ chúng giảng đạo, đến lúc ngài Đạo Tốn thị tịch, cách xa nơi Sư ở một trăm năm mươi dặm chưa kịp báo tin đến. Đêm ngài Đạo Tốn thị tịch thì Sư bảo đại chúng ở đó rằng: “Ngài Đạo Tốn đã thị tịch, hãy đến đưa tiễn?” Mọi người hỏi về nguyên do. Sư đáp: “Đó là việc thế tục, chính là do tâm chuyển.”

Trước đêm Sư thị tịch, Sư nhóm họp đại chúng bảo rằng: “Phải gấp khâu gom chứa nhóm, sáng mai có lắm người nhóm họp ăn uống hao tổn gạo thóc rau trái”. Đại chúng chẳng ai lường biết được lời nói đó. Sư cũng tự thân vận chuyển, thúc giục rất gấp gáp. Đến đêm tối mọi việc đều xong, Sư bảo lấy nước cao tóc tắm gội, rồi trở về chỗ ngồi, đắp mặc Đại y. Sư bảo rằng: “Người ta cho rằng tôi là Thiền sư Đạo Anh. Tướng của Thiền sư không thể trái nghịch với Đời”. Sư lại bảo môn nhân là Sa-môn Chí Bao rằng: “Thiền sư biết Đạo Anh tôi hơi thở còn bao nhiêu chăng?” Ngài Chí Bao dùng sự để trả lời, Sư tự nói đúng thế. Nhân đó, Sư liền giảng nói Pháp yếu cho Sư nghe. Sư lại bảo: “Vô thường tức là thường, không thể tự xem thường, không thể để chết luống uổng”. Sư bảo đọc kệ tụng của ngài Hiền Thủ trong Kinh Hoa Nghiêm, đến đoạn “Lúc sắp qua đời khuyên nghĩ nhớ chỗ tốt lành”, Minh tướng đã xuất hiện, Sư bèn lặng lẽ thị tịch, mọi người đưa đuổi tay dần theo xuống mà lạnh. Lúc ấy nhằm trong tháng chín niên hiệu Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiên Đường. Sư thọ bảy mươi bảy tuổi.

Mới đầu, Sư sắp thị tịch, có người hỏi về hậu sự. Sư bảo: “Phật có chỉ dạy rõ ràng, chỉ y cứ theo đó mà thực hành thì không khổ lụy, Đạo

Anh tôi đâu cần nói“. Khi ấy cảm có một đàn chim bay đến nhóm họp nơi phòng Sư số đông cả vạn con, buồn kêu thảm thiết. Và trong đêm Sư thị tịch, Sa-môn Chí Bao đứng hầu bên cạnh thấy có hai đồng tử mặc áo xanh cầm hoa đi vào, có hơi màu tím như ánh sáng từ nơi thân Sư phát ra ánh lửa lên nóc nhà. Đến lúc sáng sớm, sương móc kết tụ chung quanh hai mươi dặm. Người vật đều mất ánh sáng, qua ba ngày sau mới hết. Ở Bồ Châu và Tấn Châu là nơi Sư hành hóa, mọi người nghe thế, buồn thương đua nhau kéo đến như chịu tang người thân. Xa nghiệm xét lời Sư nói chẳng hề sai chạy. Lại cảm có tăng Ngưu hống kêu rống vang xa mấy dặm, hai mắt tuôn lệ, chẳng ăn uống cỏ nước, suốt bảy ngày. Sắp đến lúc an táng, kẻ tăng người tục đua nhau tranh giành, và đều bảo: “Sư không ưa thích ồn ào náo động, chỉ nên còn giữ đạo nghiệp”. Liên đến chỗ trang trại phía nam, đục đá mà an táng Sư. Vừa đục một cái thì bỗng nhiên đất trời rung chuyển dữ dội, mọi người quẩn cở nằm rạp xuống đất kinh sợ. Chung quanh mười lăm dặm đều rung chuyển kinh sợ. Lại cảm có ba vầng cầu vồng nổi liền phát ra từ nơi khám tôn trí kim quan. Có hai con chim màu trắng liệng bay trên kim quan, đến lúc mọi việc chõ khám hoàn tất thì bèn chết. Rõ ràng Sư có khả năng mở Đạo khai ngộ cho chúng sinh, tuệ giải nhập thân, nên được linh tướng khí trời khí đất, còn mất đều nhóm họp, chẳng phụ thân sống ở đời, thật chỉ có người ấy.

31- Truyện ngài Thích Hựu Đức ở Lương Sơn thuộc Ung Châu:

Thích Hựu Đức, họ Từ, người ở xứ Lễ Tuyên thuộc Ung Châu, thân tướng Sư cao lớn, mặt mày cốt cách khô ngô, đi đứng khoan thai, mặc y phục thô sơ, Sư mở lời nói về mọi việc tương lai thường là chỗ rộng giúp. Gặp năm có những sự hung bạo độc lệ lan tràn, thì trước tiên Sư khuyên dân chúng khắp bốn phương kính thờ Tam Bảo. Những việc Sư thi thiết như là lễ phật, thiết trai cúng dường, xưng danh niệm tụng. Những người thực hành theo lời Sư chỉ bảo thì đều xua trừ được tai họa. Còn những người không tin đều bị ương họa, đến cùng Sư dự nghi mọi điều ở tương lai đại loại như ở trước mắt.

Bấy giờ, gặp lúc rất nắng hạn, mọi người lo sợ bèn đến thưa hỏi Sư. Sư đưa tay chỉ, bảo rằng: “Ngày ấy trời sẽ mưa, và chỉ mưa đến ngang chỗ ấy v.v.” Xét thời gian và nơi chốn mưa đến, đều đúng như lời Sư nói. Hoặc là sâu độc phá hại lúa mạ rộng hẹp, thấm đượm sâu cạn v.v... mọi việc đều phù hợp như gương sáng soi chiếu chẳng sót mất mấy may. Sư giữ chí thanh bạch thận trọng, chẳng lạm đến hình khoa. Điều mà năng lực chưa thực hành được thì chưa thọ nhận pháp ấy. Nên

trong độ tuổi tráng niên, đối với Đạo pháp Sư chỉ vâng giữ mười giới, nhưng đối với thiên tu tập tướng Sư thường thực hành theo.

Về sau, Sư đến phía Nam núi Cửu Tuấn ở hồ A-nậu-đạt, đồng thời khắc bình bát bằng đá, ở bên cạnh hồ để cứu giúp chúng sinh. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai (638) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại phòng ở núi. Mọi người đều cảm kính, xây tháp trắng thờ Sư.

32- Truyện ngài Thích Trí Tắc trụ chùa Biện Tài ở Kinh đô:

Thích Trí Tắc, họ Phùng, người ở xứ Trường An thuộc Ung Châu. Năm hai mươi tuổi, Sư xuất gia tại chùa Biện Tài, nghe Pháp sư Ngưng giảng luận Nhiếp Đại thừa hơn bốn mươi biến. Tánh thức Sư thấu đạt vượt trội, chỉ quán tìm. Sư thường mặc áo nạp rách rưới, quần rũ trên gối. Có người hỏi lý do, thì Sư bảo: “Y phục dài thì thường đứng”. Sư rảo bước khắp nơi phường chợ, đêm đến nghỉ trong chùa, tiếng tăm khắp cùng kinh ấp gần năm mươi năm. Với mọi thứ pháp tài ăn ngủ, Sư đều đồng như chư Tăng. Trong phòng Sư chỉ đặt một chiếc giường đơn, phía trên trái chiếu cỏ, một bình bát bằng đất, thìa bằng gỗ, ngoài ra không chứa nhóm thêm một vật gì. Hoặc có người thấy Sư lam lũ khổ cực nên sắm sửa cho, Sư có được vật gì thì mặc dùng vật ấy, nói trọn chẳng hết. Sư đồng với chúng tăng là thân hình có qua lại, cửa không mở đóng. Có vị tăng ở chung phòng, không biết Linh dị, gọi Sư là kẻ cuồng. Sư nghe thế, ngửa mặt cười lớn bảo rằng: “Nói kẻ khác là cuồng, mà chẳng tự biết mình là cuồng. Xuất gia lia tục chỉ vì ăn mặc, đi đứng ngăn ngại, tiêu cửa nát rường, tốn phí thời gian, loạn mất hạnh nghiệp, lăm thứ chứa để, sai khiến chẳng an. Đó mà chẳng phải cuồng, càng chẳng phải cuồng”. Sư vỗ tay cười lớn, tánh Sư thường ưa thích ăn bánh bột, ở phía Bắc chùa có nhà Vương Ma-ha, Sư thường bảo nhà ấy làm, nếu cần thì liền đến. Nhân việc ấy mà dò xét thời gian, cả hai nơi đều thấy, mới gượng cho là Sư phân thân. Sư lời nói và việc làm hợp nhau, không mấy may vết lằm. Vào niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, Sư thường ở riêng trong phòng. Đêm đến, Sư ngồi thẳng trọn đêm, ho khạc mãi đến sáng.

Tôi (Đạo Tuyên) đích thân trông thấy, nên lược ghi chép lại việc ấy v.v...

33- Truyện ngài Thích Thông Đạt trụ chùa Luật Tạng ở Kinh đô:

Thích Thông Đạt, người xứ Ung Châu. Năm ba mươi tuổi Sư xuất

gia, không có nơi ở cố định. Ban đầu Sư già từ thế tục, đi khắp nơi tìm hỏi minh sư, gượng hỏi Đạo phương mà đều không xứng ý. Sư bèn vào núi Thái Bạch, không mang theo lương thực, chẳng chọn lựa hang rừng, đói thì ăn lá cỏ, ngủ thì tựa cây. Sư ngồi thẳng tư duy cao xa, trải suốt tối sáng, ý dụng mật mờ, sự hiểu biết không nơi quy hướng, trải qua như thế năm năm, lo sợ chẳng dứt. Nhân lấy nhánh cây đập vào cục đất. Cục đất bị vỡ hình dáng tiêu tan. Thấy được duyên ấy, bỗng nhiên Sư đại ngộ.

Sau đó, Sư đến trụ chùa Luật tạng ở Kinh đô, đi các nơi nghe giảng giáo pháp Đại thừa, Tánh lượng Sư rộng thoáng, chỉ mặc một chiếc Quần và một áo tràng vải bố chằm vá nhiều lớp, chân mang đôi giày cỏ suốt ba mươi năm. Với các thứ lụa gấm nhiều màu Sư không hề khoác vào mình. Bất kể mùa đông, mùa hạ Sư chỉ mặc một bộ, không ngại nóng lạnh. Sư thường ở nơi trường giảng mà bình luận nói bày chỗ sâu mầu. Mà những kẻ bất tiểu ngu phu nói năng hành động mâu thuẫn, cho đến uống ăn chẳng khác người thế tục. Sư bảo rằng: “Học Đại thừa, mà hạnh nghiệp như thế ấy ư? Nếu được bậc Thánh nhớ nghĩ thì thật là phạm thứ. Tôi chẳng đồng như vậy”. Tả Bộc Xạ Phòng Huyền Linh nghe thế bèn kinh lạ, đón rước Sư đến trông Đệ, đích thân tôn thờ kính trọng. Sư thấu hiểu Đạo là công phu tánh chẳng bó buộc, hoặc mặc quần đờn để bày bụng, hoặc nói những lời khác. Huyền Linh vì Đạo phong của Sư vượt ngoài mà đối xử, chẳng vì hình tướng, lời nói mà gây ra sự ngăn cách. Sư rất được quý trọng đại loại như vậy.

Sư thường uống nước ăn rau, mặc tình đi khắp nơi hoặc nhổ rau cỏ còn sống mà ăn, đến như Đào mạn dưa quả Sư đều ăn sống hết cả vỏ hạt. Có người hỏi lý do, Sư bảo: “Của Tín thí khó vất bỏ.”

Từ niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, về sau, Sư hơi hiển bày thần dị. Đến nhà người mà Sư nói cười thì là điềm lành, còn tỏ vẻ buồn bực tiết tháo thì đó là điềm xấu. Hoặc Sư cần tiền của, hoặc cần công sức thì tùy theo Sư bảo ít nhiều liền phải y theo mà đưa, còn nếu trái ngược lời Sư bảo thì sau sẽ hao tổn hơn cả số, Sư bảo. Có người cưới con lừa đến chùa tham quan. Sư đến xin, người ấy tiếc nên chẳng cho. Con lừa ấy chẳng bao lâu liền chết. Đại loại Sư có lắm việc như thế, chẳng phải chỉ một lần. Nên khắp chốn Kinh tất các hàng sang hèn đều tôn kính Sư. Mọi việc họa phước đều do nơi một lời nói của Sư. Sư giảng nói dẫn dụ, chỉ giữ lấy sự chẳng đắm trước. Các thứ tài lợi Sư có được do Đàn Việt cúng dường, đều dùng để xây chùa viện.

Đại tướng quân Tiết Bạt Quân ban đầu nghe Sư có Dị hạnh bèn

thỉnh Sư đến vườn nhà để cúng dường. Hơn trăm ngày, Sư chẳng trái khuôn phép chánh Đạo, bỗng một đêm, Sư đòi thức ăn muốn ăn, mới đầu Tiết Vạn Quân không dâng cấp, nhưng Sư đòi mãi không thôi, đành phải dâng cấp, Sư bèn ăn. Từ đó về sau, Sư hơi biến đổi dấu vết trước, chuyên hiển bày biến ứng, hành động có lắm nhỏ hẹp, Sư muốn vào bên trong nghỉ qua đêm. Anh em của Tiết Vạn quân vô cùng tức giận, đánh Sư gần chết. Sư ngửa mặt mà bảo rằng: “Các ông đánh ta thân thịt đều rách nát, máu me dơ dáy bất tịnh, nên cho ta nước nóng để rửa”. Đến lúc nước nấu sôi sùng sục, Sư cởi áo, nhảy vào trong vạc, coi như nước lạnh. Mọi người đứng bên cạnh vô cùng kinh sợ, Sư còn đòi cho thêm lửa. Khi ấy, cả nhà Tiết Vạn Quân bèn kinh sợ, cầu xin Sư tha thứ lỗi lầm ấy.

Sư có nợ tiền người hơn trăm quan, khi Sư có đủ thì không có người để trả. Sư bèn đem tiền đến cửa chùa, dò xét mọi người qua lại, tùy theo nợ ít nhiều mà trả, Sư đến thâu phía Tây chợ, mọi người đều thôi nhưng Sư vẫn giao trả và chẳng cấm. Đến lúc tới khám xét Sư trả nợ, thì chẳng thiếu mất một đồng. Thật, Sư có được khả năng đạt lượng hư hoại, định lượng khó có thể chuẩn xác!

Bấy giờ, lại gặp lúc lúa thóc khan hiếm mà Sư muốn thiết cúng Đại trai hội, bèn bảo nhà chùa viết nhiều sớ thỉnh mời chúng tăng. Đến sáng sớm Sư đã định, chư tăng đến dự hội có cả ngàn vị, mà người cúng thì mất tăm chẳng biết ở đâu. Đại chúng quở trách lỗi ấy. Sư bảo: “Người ta hứa đưa đồ vật đến cúng dường, thì chẳng phải nói dối.” Đến giờ thọ trai, chư tăng sắp giải tán, bỗng nhiên thấy những thức ăn nấu chín ngon lành được vận chuyển bằng xe, bằng kiệu tiếp nối đầy đường đưa đến, liền lấy đó mà thiết bày cúng dường, bèn thừa thải rất nhiều và đều cúng vào kho của chúng tăng, đều không ủy thác từ nơi nào đưa đến. Lúc thọ trai xong, chỉ phút chốc người xe đều biến mất.

Hiện nay, Sư đang giáo hoá hưng thịnh ở Kinh Liễn. Từ triều đình cho đến thôn quê, mọi người đều chiêm ngưỡng. Trình bày mọi việc rất nhiều nên chẳng ghi chép hết.

TRUYỆN NGÀI THÍCH MINH SÂM (TIẾP TỤC SAU PHẦN MỘT CHƯƠNG IV)

Thích Minh Sâm, người ở đất Tề. Thủ sơ thiếu thời, Sư đi học ở Lương Hà. Nhờ thông minh mà nổi tiếng. Nhưng kinh luận tuy nhiều nhưng Sư chỉ lấy trưng nạn làm tâm. Dưới thời Ngụy Minh, Phật giáo rất hưng thịnh nhưng Sư chỉ có đi học ở các trường giảng mà thôi, nên sự nhả lượng của Sư chẳng phải nghiệp lớn.

Bấy giờ, có Sa-môn Trí Dực là người có tiếng tăm đạo hạnh hòa mục, xa gần đều trông ngóng, học chúng rất đông đảo. Sư chẳng dần nổi u tình, rất kỹ tiếng tăm, riêng thâm kết giao, rộng tìm luận Đạo. Ban đầu, Sư làm “Nhà để luận nghị pháp”, lập biểu đồ, soạn văn. Ngoài thì bày Danh giáo, trong cấu kết ngôn dẫn, trích dẫn ra vào, xem thường mạo phạm tiếng tăm, nghe lời có thể lãnh hội. Đến lúc ghi chép mịt mờ, những người có ý chí mạnh mẽ cùng nhau nương theo như mây nhóm, nhìn vào biểu đồ, đọc xem kinh công lớn như mây mông. Một lần theo chỉ bày truyền trao vở tan như băng tiêu, nên người đến học, trước phải sấm sửa lựa truyền. Pháp Ốc tử ấy, người vào học rất nhiều. Ngoài ra, nếu có người thành đạt thì không thể ẩn bí, nên tiếng tăm Sư vang vọng ít ai vượt hơn.

Sư lại soạn thuật “Xà Thế Pháp”. Thế ấy giống như đồ trận của Gia Cát Lượng. Thường thì Thế của rắn núi đánh Đâu thì đuôi đến, đái khái như vậy. Lại dùng Pháp so sánh với rắn, chột độ chột bỏ, trước sau không đồng nhau. Tôi (Đạo Tuyên) từng trông thấy biểu đồ ấy rất đáng sợ. Họ vẽ làm một con rắn dài ba thước, lúc khuất lúc bày, bên cạnh còn thêm Đạo phẩm. Khoảng cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) đời Tùy, có nhiều người học theo, nay thì chẳng còn thực hành. Tưởng cùng nên bắt dứt. Ban đầu, Sư thực hành Xà Luận khắp vùng Đông Xuyên, có người đạo hạnh rất can ngăn nhưng Sư quyết ý thực hành rộng khắp để làm Đạo nghệ.

Tại Thượng Ấp ở Lộ Châu, Sư nghĩ mở mang Kinh Pháp Hoa, bèn đến chùa Hồng Cốc ở huyện Lâm lự thuộc Nham Châu tỉnh chư tăng (quên tên vị Tăng ấy) đến giảng. Sư vốn có quen biết, nghe thế bèn tìm đến. Vị tăng ấy nghe Sư đến, trong tâm lo sợ như lửa đốt, biết năng lực luận đạo của Sư, không thể nào đối địch lại được, bèn đem tâm tình nói với Sư rằng: “Ổ ấp này phần nhiều là những người mới tin. Nên sự việc cần phải quy phục các hàng sĩ tục v.v... đã có khuynh tâm. Mong Pháp sư nể tình xưa cũ, mà cùng thành thật khen ngợi. Nay có ít y tài xin cúng

dâng Sư, mong thấu hiểu nỗi lòng này!”. Bèn dâng cúng mười xấp lụa. Sư bảo: “Mục đích tôi đến đây, chẳng lẽ có ý như thế sao, mong hãy dứt bỏ ý nghĩ đó!”. Nhưng vị tăng ấy chẳng chịu đi, muốn được một lần lên. Vị tăng ấy càng khiếp sợ, nhưng sự tình chẳng dặng dừng, bèn phải như thường lệ lên giảng. Sau cùng, Sư vào trong giảng đường, mang theo bó lụa nhặt lấy ở trong chúng, mà bảo rằng: “Pháp sư trên tòa cao hôm qua đem lụa quyên này dâng tặng, xin khỏi phải luận bàn. Nhưng phật pháp sâu rộng, phải quấy phải phân biệt. Nếu như đem tà pháp mà chỉ dạy cho người thì biết có bao nhiêu người thế tục mắc sai lầm. Pháp sư trên tòa cao nghe thế có khiếp sợ không? Nên y cứ theo văn thường xưng, như sớ mà giải thích”. Sư liền gọi đứng, muốn luận bàn về chí lý. Khi ấy, pháp sư ở trên tòa cao thần ý mạnh mẽ an nhiên đợi hỏi. Sư bèn nêu bày câu hỏi. Pháp sư tùy theo điều hỏi mà giải thích, lớp lớp nhiều mà không gì chẳng thông nghĩa. Tinh thần Sư bỗng nhiên nhiễu loạn, nghĩ khó có thể không theo, liền từ tòa đứng dậy bảo: “Pháp Sư ở trên tòa cao từ nãy đến giờ mờ tối bế tắt, bây giờ vì sao lại chóng giải mở như thế? đúng là do Thần quỷ trong núi giúp đỡ niệm lực, nếu không như thế thì làm sao có khả năng như vậy?” Pháp sư ở trên tòa cao và mọi người trong giảng đường đồng một lúc cười lớn.

Sư liền ra khỏi ấp cùng hai người bạn đến nhà thế tục khát thực. Đã bị đầy khí nghẹn ứ mà chẳng xuống. Còn các giải dụ khác tranh luận ở đâu ư? Luận nghị chẳng đến, trời thường có lý lớn, do nhân gì chóng khởi phiền não như vậy? Sư chẳng trả lời, đi theo ra hướng đông, từng bước than trách, leo lên đánh núi, rất mực khốn khổ nên dừng nghỉ dưới gốc cây. Sư nói với hai người bạn rằng: “Nay Tôi bị phiền não thiêu đốt không thể nói. Trong ý sợ sẽ hóa thành rắn”. Liền cởi y, nằm ở trần, lăn lộn bất định, duỗi hai chân. Chỉ phút chốc, hai chân bỗng nhiên hợp thành một, làm thành đuôi rắn ngất nghểu vất lên, bèn tự chuyển động. Nói với hai người bạn rằng: “Ta soạn luận Xà Thế, nay quả báo đã đến, các ông hãy mau leo lên cây, tâm ta vẫn chưa biến đổi.” Hai người bạn liền leo lên cây, vẫn nói với nhau rằng: “Hối hận soạn xà luận, quả báo đến như thế sao?” Trong lúc đang nói tự nhiên toàn thân Sư biến thành rắn, chỉ còn cái đầu chưa biến đổi mà cũng không còn nói được, bò ngoằn ngoèo dưới đất, ngẩng đầu tự đánh, đánh không ngừng nghỉ, đến lúc nát bỗng nhiên biến thành đầu rắn. Thân hình bỗng biến dài năm trượng, ngẩng đầu nhìn bốn phía, mắt sáng như sao. Khi đó khắp bốn phía các loài rắn đồng một lúc đua nhau kéo đến. Con rắn ấy cất đầu cách đất năm-sáu thước, tìm hang mà chui xuống. Các loài rắn cùng

nướng theo mà đi. Hai người bạn ấy chính mắt nghiệm thấy quả báo đó, khi đến Nghiệp
Đô bèn kể lại.